

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐOÀN THỊ THU

**ĐỊNH TỘI DANH CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM THEO
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC
TIỄN TỈNH HÒA BÌNH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của **PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn**. Các số liệu, những ví dụ và kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này trung thực và chưa ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Học viên

Đoàn Thị Thu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA ĐỊNH TỘI DANH CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM.....	8
1.1. Cơ sở lý luận của định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm	8
1.2. Cơ sở pháp lý của định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm	16
1.3. Các yếu tố tác động đến định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm	34
Chương 2: THỰC TIỄN ĐỊNH TỘI DANH CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH.....	37
2.1. Khái quát tình hình các tội phạm về ma túy và tình hình các tội phạm về ma túy được thực hiện bằng đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.....	37
2.2. Thực tiễn định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	47
Chương 3: CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ĐỊNH TỘI DANH ĐÚNG CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM.....	61
3.1. Các yêu cầu bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm	61
3.2. Các giải pháp bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm	68
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
CTTP	Cấu thành tội phạm
PLHS	Pháp luật hình sự
PLTTHS	Pháp luật tố tụng hình sự
QPPL	Quy phạm pháp luật
QPPLHS	Quy phạm pháp luật hình sự
TNHS	Trách nhiệm hình sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, các hoạt động sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, chất hướng thần đã gây tác hại đến sức khỏe, hạnh phúc con người, là nguyên nhân gây mất trật tự an toàn xã hội, cản trở sự phát triển lành mạnh đối với kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội và đe dọa sự ổn định về an ninh chủ quyền quốc gia. Ma túy gắn liền với hành vi phạm tội, là nguồn gốc làm phát sinh tội phạm, nó là con đường chính lây lan HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác. Tội phạm ma túy tính chất ngày càng phức tạp, hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều người tham gia, liên quan đến nhiều địa phương và có những vụ án ma túy xuyên quốc gia chúng thực hiện hành vi buôn bán ma túy hết sức tinh vi trên địa bàn rộng lớn với cách thức tổ chức chặt chẽ, có sự câu kết giữa các đối tượng trong nước và nước ngoài, tội phạm ma túy thường rất hung hãn chống trả quyết liệt khi bị bắt. Trước tình hình tội phạm ma túy gia tăng tới mức đáng lo ngại, nhận thấy phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn và kiểm soát ma túy, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo kiên quyết đấu tranh nhằm từng bước ngăn chặn đẩy lùi, tiến tới loại trừ tội phạm ma túy ra khỏi đời sống xã hội là những ưu tiên hàng đầu thể hiện qua việc ban hành các văn bản như: Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã nêu quan điểm chỉ đạo: “Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm và vi phạm”; Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục tăng cường lãnh đạo chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới; Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 27/6/2011 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số

11203/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống ma túy giai đoạn 2012-2015...; Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới xác định "Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội..." Nhằm đặt ra những quan điểm, mục tiêu, hoạch định các chương trình và giải pháp phòng, chống ma túy tổng thể, dài hạn để công tác phòng chống ma túy đạt hiệu quả bền vững.

Pháp luật Việt Nam đã thừa nhận tội phạm có thể được thực hiện một trong hai hình thức tội phạm đơn lẻ và đồng phạm; trường hợp tội phạm được thực hiện dưới hình thức tội phạm đơn lẻ thì những vấn đề liên quan đến tội phạm chỉ cần xác định thông qua hành vi của một người, còn trong trường hợp tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm thì phải xem xét những vấn đề liên quan là kết quả hành vi của nhiều người. Do đó, lý luận đồng phạm trong khoa học luật hình sự Việt Nam và thực tiễn hoạt động xét xử các vụ án đồng phạm thấy được tội phạm thực hiện dưới hình thức đồng phạm thường có tính nguy hiểm và hậu quả gây ra cho xã hội cao hơn so với các trường hợp phạm tội riêng lẻ. Cho nên, định tội danh trong trường hợp đồng phạm là nội dung phức tạp, có vai trò quan trọng trong thực tiễn xét xử, có ý nghĩa quyết định trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự nói chung và quyết định hình phạt nói riêng.

Từ thực tế, các tội phạm về ma túy được thực hiện bằng đồng phạm đang có xu hướng gia tăng, tính chất nguy hiểm, mức độ phức tạp và hậu quả của nó gây ra cho xã hội ngày càng cao. Hòa Bình là tỉnh miền núi Tây bắc nằm giáp ranh giữa 3 khu vực: tây bắc, đông bắc và Bắc Trung Bộ của Việt Nam; phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Phú Thọ; phía Nam tiếp giáp với tỉnh Hà Nam, Ninh Bình; phía Đông và Bắc tiếp giáp với Thành phố Hà Nội; phía Tây, Tây bắc, Tây nam giáp

với các tỉnh Sơn La, Thanh Hóa đồng thời có Quốc lộ 6 chạy xuyên suốt toàn tuyến. Là tỉnh có nhiều danh lam thắng cảnh như động Thác Bờ, đỉnh Phù Bua và Suối khoáng Kim Bôi, địa bàn gồm nhiều thành phần dân cư với tính chất phức tạp khác nhau. Nghiên cứu thực tiễn xét xử các vụ án về ma túy có tính chất đồng phạm tại tỉnh Hòa Bình trong những năm qua cho thấy còn có nhiều vấn đề bất cập cần thiết phải nghiên cứu và hoàn thiện nội dung này.

Xuất phát từ thực tế nêu trên và từ nhận thức việc định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là một trong những vấn đề quan trọng, cần sự quan tâm hơn nữa trên phương diện lý luận và thực tiễn nhằm giúp cơ quan điều tra, truy tố, xét xử có cơ sở pháp lý để định tội danh đạt kết quả cao hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới. Với những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài ***“Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Hòa Bình”*** làm luận văn tốt nghiệp cao học Luật, chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Việc định tội danh và định tội danh trong trường hợp đồng phạm là một đề tài có nội dung phong phú và phức tạp, đã được các nhà luật học quan tâm nghiên cứu, ở các mức độ khác nhau, các tác giả đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến vấn đề này như:

- Trên thế giới đó là GS.TS V. Xônađiô đã có công trình nghiên cứu về đồng phạm trong luật hình sự Tiệp Khắc; nhà hình sự học Lí Quang Xán nghiên cứu về đồng phạm trong luật hình sự Trung Quốc...

- Ở nước ta, một số nhà nghiên cứu pháp luật đã quan tâm và có những công trình nghiên cứu về nội dung định tội danh như:

Những vấn đề lý luận cơ bản về định tội danh đã được GS.TS. Võ Khánh Vinh đề cập trong *“Giáo trình kỹ năng xét xử các vụ án hình sự”*, Nxb Tư pháp, Hà Nội 2004; *“Lý luận chung về định tội danh”*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2013.

GS.TSKH. Lê Cẩm đề cập trong “*Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*” của Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội năm 2009; “*Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*” của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội 2007.

Phạm Văn Beo (2009), “*Luật hình sự Việt Nam phần chung*”, Nxb Chính trị Quốc gia.

Luật gia Đặng Văn Doãn “*Vấn đề đồng phạm*”, Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1986; “*Khái niệm người thực hiện tội phạm và khái niệm người đồng phạm*”, Tạp chí Luật học, số 1/1995, Trường Đại học Luật Hà Nội.

PGS.TS Lê Thị Sơn “*Các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm và tổ chức tội phạm với việc hoàn thiện cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự*”, sách chuyên khảo, Nxb Tư pháp, 2013...

GS.TS. Võ Khánh Vinh còn đề cập đến khái niệm, cơ sở, giai đoạn của định tội danh từ góc độ đòi hỏi của nguyên tắc công bằng trong luật hình sự đối với quyết định hình phạt, những trường hợp thay đổi định tội danh: “*Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; “*Nguyên tắc công bằng và định tội danh*” - Tạp chí TAND số 5/1993, tr.2-5; “*Thay đổi định tội danh - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” - Tạp chí TAND số 11/2003, tr.6-11; số 12/2003, tr.4-8.

Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2/2001) tác giả Dương Tuyết Miên.

TS. Lê Văn Đệ nghiên cứu vấn đề định tội danh và mối liên hệ giữa định tội danh và quyết định hình phạt (Lê Văn Đệ (2004): “*Định tội danh quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội).

PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn đã có bài viết dưới góc độ so sánh: “*Chế định đồng phạm trong Luật hình sự nhìn từ góc độ so sánh pháp luật hình sự một số nước trên thế giới*” - Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 11/2013, tr.30-38.

Ngoài ra, còn có nhiều tác giả nghiên cứu, phân tích những dấu hiệu của cấu thành tội phạm trong các tội phạm hoặc phân tích những dấu hiệu đặc trưng của một nhóm tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Nhằm giúp cho người định tội danh phân biệt sự giống và khác nhau giữa tội phạm này với tội phạm kia trong BLHS.

Các công trình nghiên cứu trên đã nêu ra khái niệm, ý nghĩa, nội dung, cơ sở, các giai đoạn của định tội danh và định tội danh trong trường hợp đồng phạm...có nhiều giá trị để tham khảo, tuy nhiên việc tiếp tục nghiên cứu và nghiên cứu một cách sâu sắc hơn nội dung định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm cũng như việc áp dụng nội dung này trong thực tiễn xét xử được thống nhất vẫn luôn cần thiết.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở làm rõ cơ sở lý luận và pháp luật của định tội danh trong trường hợp đồng phạm và thực tiễn định tội danh các tội về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình từ năm 2012 đến năm 2016, luận văn đề xuất các giải pháp bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm ở nước ta.

3.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, tác giả đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu trong việc làm luận văn này như sau:

- Phân tích cơ sở lý luận về định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm đó là làm rõ khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và cơ sở pháp lý của định tội danh các tội về ma túy trong trường hợp đồng phạm.

- Phân tích các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm về ma túy, về đồng phạm về các quy định khác và ý nghĩa đối với định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm.

- Khái quát tình hình các tội phạm về ma túy và tình hình các tội phạm về ma túy được thực hiện bằng đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2016.

- Phân tích thực tiễn định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết vụ án hình sự những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, để tìm ra những ưu điểm, vướng mắc, sai lầm trong thực tiễn cần phải hoàn thiện.

- Đúc rút được những vấn đề cần lưu ý khi định tội danh các tội về ma túy trong trường hợp đồng phạm, đưa ra các yêu cầu và giải pháp bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Về đối tượng nghiên cứu: Luận văn lấy các quan điểm khoa học, các quy định của PLHS, thực tiễn định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình từ năm 2012 đến năm 2016 để nghiên cứu, phân tích những vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài.

Về phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu các vấn đề liên quan đến định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm qua phân tích các số liệu, vụ án cụ thể và đường lối giải quyết của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hòa Bình qua các bản án sơ thẩm, phúc thẩm đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ quyền con người, về tội phạm và hình phạt, về cải cách tư pháp.

Đề tài còn được nghiên cứu trên cơ sở kết hợp trong một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể như hệ thống, phân tích, tổng hợp, so sánh,

dự báo, phương pháp thống kê hình sự, nghiên cứu án điển hình để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.

Quá trình nghiên cứu các phương pháp này được vận dụng một cách linh hoạt, đan xen lẫn nhau giữa lý luận và thực tiễn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Đề tài nghiên cứu một cách có hệ thống tương đối toàn diện góp phần nhận thức sâu hơn về lý luận về định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm thông qua thực tiễn xét xử; đồng thời luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học; hoàn thiện lý luận về định tội danh cũng như hoạt động thực tiễn về định tội danh các tội về ma túy trong trường hợp đồng phạm cho các cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và làm công tác thực tiễn trong các cơ quan tư pháp khi áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 về định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm.

7. Cơ cấu của luận văn

Bố cục của luận văn ngoài phần mở đầu và phần kết luận thì nội dung luận văn được chia thành 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và pháp luật của định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm.

Chương 2: Thực tiễn định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA ĐỊNH TỘI DANH CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM

1.1. Cơ sở lý luận của định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm

1.1.1. Khái niệm, ý nghĩa định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm

Áp dụng pháp luật hình sự là quá trình phức tạp, đa dạng, gồm các giai đoạn và các nội dung khác nhau, trong đó đáng lưu ý là định tội danh và quyết định hình phạt. Như vậy định tội danh là một giai đoạn và hơn thế là giai đoạn quan trọng nhất trong toàn bộ quá trình áp dụng PLHS; vì, định tội danh được thực hiện ở tất cả các giai đoạn của cả quá trình tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn xét xử. Trong khi đó quyết định hình phạt chỉ được tiến hành thực hiện ở giai đoạn xét xử.

Định tội danh theo GS.TS Võ Khánh Vinh là “việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự” [43, tr.9-10].

Như vậy định tội danh là việc xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện trong thực tế khách quan với các dấu hiệu trong CTTP của tội nào đó được quy định trong BLHS. Căn cứ vào cấu trúc của các yếu tố CTTP có thể phân chia các CTTP thành hai loại: CTTP đơn giản là cấu thành mà trong đó luật quy định chỉ một khách thể bị xâm hại, một loại hành vi (hậu quả) phạm tội và một hình thức lỗi; CTTP ghép (phức tạp) là cấu thành mà trong đó luật quy định nhiều khách thể bị xâm hại, nhiều hành vi (hậu quả) phạm tội và hai hình thức lỗi trong cùng một

CTTP (ví dụ tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt đoạt chất ma túy).

Theo cách hiểu trên thì định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là việc xác định sự phù hợp chính xác của những hành vi nguy hiểm cho xã hội do hai người trở lên xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ma túy bao gồm nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao cô ca; lá, quả cây cần sa; lá cây cô ca; quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi, hêrôin, côcain; các chất ma túy khác ở thể rắn và thể lỏng do những người đồng phạm đã thực hiện, những người đồng phạm này có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cùng thực hiện một cách cố ý.

Xét về thực chất quá trình định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là phải xác định những dấu hiệu cơ bản, điển hình, quan trọng, đồng thời chỉ ra những dấu hiệu cần và đủ để xác định thực chất hành vi xảy ra trên thực tiễn, khi xem xét, đối chiếu các dấu hiệu đó được quy định trong Chương XVIII của BLHS 1999 phải đưa được kết luận quy phạm pháp luật được ban hành là để áp dụng cho trường hợp phạm tội về ma túy đang được xem xét tội đơn giản hay tội ghép căn cứ vào cấu trúc của các yếu tố CTTP.

Sự khác biệt định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm với các trường hợp khác đó là ngoài việc xác định hành vi thực tế của người thực hành hoặc người đồng thực hành, những người tiến hành định tội danh phải xác định hành vi thực tế của những loại người đồng phạm khác như: Người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức (nếu có), trên cơ sở đặc điểm riêng của các loại hành vi người đồng phạm được quy định một cách khái quát tại Điều 20 BLHS 1999. Điểm khác biệt này cần được làm rõ để tránh được sự phiến diện trong việc xác định vai trò của người đồng phạm.

Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là một giai đoạn của việc áp dụng các quy định đối với các tội phạm về ma túy phải dựa vào cấu thành tội phạm vật chất của tội phạm được quy định trong Chương XVIII của BLHS 1999; định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm phải được tiến hành trước, trên cơ sở đó mới có thể tiến hành được việc quyết định hình phạt. Định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là tiền đề cho việc xác định khung hình phạt và quyết định hình phạt đối với người đồng phạm được chính xác, công bằng đối với từng tội danh; định tội danh đúng đối với các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là sự thể hiện hoạt động có hiệu quả, ý thức tuân thủ pháp luật triệt để và ý thức trách nhiệm trong quá trình giải quyết các vụ án ma túy; định tội danh đúng có ý nghĩa rất lớn về chính trị, xã hội, đạo đức và pháp luật. Việc thực hiện nghiêm các quy định của BLHS khi định tội danh là điều kiện cần thiết, quan trọng của việc thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước nhằm đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm ma túy nói riêng. Định tội danh đúng thể hiện rõ việc thực hiện đúng biện pháp chính trị, thực thi được ý chí của nhân dân thông qua pháp luật.

Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là sự đánh giá về mặt chính trị, xã hội, pháp lý đối với những hành vi của tội phạm ma túy. Hậu quả pháp lý của định tội danh là rất đa dạng, nhưng hậu quả cơ bản đó là việc áp dụng hình phạt hoặc biện pháp tác động pháp lý hình sự khác do pháp luật quy định đối với người đồng phạm phạm tội. Định tội danh đúng thì khi xét xử đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Để định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm, người định tội danh không những phải tuân thủ các nguyên tắc áp dụng cho mọi trường hợp phạm tội nói chung mà còn phải tuân thủ những nguyên

tắc có tính đặc thù áp dụng cho đồng phạm nói riêng. Định tội danh đúng sẽ loại trừ được việc áp dụng hình phạt và kết án vô căn cứ những người không thực hiện tội phạm trong vụ án đồng phạm. Ngược lại, định tội danh sai sẽ dẫn đến việc quyết định hình phạt không đúng, không công bằng và từ đó làm cho việc quyết định hình phạt đã tuyên không tương xứng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà tùy do từng loại người đồng phạm thực hiện; sẽ xảy ra hai xu hướng một là làm cho các bị cáo phải gánh chịu hậu quả pháp lý không đáng phải chịu, hai là làm lợi cho bị cáo nào đó không trên cơ sở những quy định của pháp luật. Chẳng hạn, trường hợp các bị cáo phạm tội thuộc hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ là hình thức đồng phạm có tổ chức nhưng lại xác định và kết luận thuộc hình thức đồng phạm thông thường không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức, khi định tội danh đã bình quân tính chất, mức độ tham gia thực hiện tội phạm của những người đồng phạm, quyết định hình phạt đối với các bị cáo nhẹ hơn so với hình phạt đáng lẽ phải chịu theo quy định của pháp luật, các bị cáo không nhận thấy được tính nguy hiểm của hành vi, giảm hiệu quả của công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, không thể hiện được tính nghiêm minh, tính đúng đắn của cơ quan thực thi pháp luật, làm giảm hiệu quả giáo dục của bản án đối với quần chúng nhân dân. Về mặt xã hội thì hậu quả của việc định tội danh sai sẽ làm nảy sinh những quan điểm không đúng về thực trạng và các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh đối với tội phạm, giảm uy tín và hiệu lực của các cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế Xã hội chủ nghĩa.

Nếu không có quá trình định tội danh thì Tòa án không thể có cơ sở pháp lý đầu tiên để quyết định hình phạt. Việc định tội danh đã được thực hiện đúng ở các giai đoạn tố tụng trước khi quyết định hình phạt, mà Tòa án quyết định không đúng thì toàn bộ quá trình định tội danh đã được thực hiện sẽ

không có ý nghĩa và ngược lại, quyết định hình phạt sai sẽ ảnh hưởng đến việc định tội danh đúng và hình phạt đã tuyên không đạt được mục đích.

Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là tiền đề cho việc cá thể hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt một cách khách quan, đúng căn cứ pháp luật, đồng thời để áp dụng đúng các quy định của BLHS về các tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, hình phạt và tội phạm.

1.1.2. Quá trình định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm

Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện tội phạm. Trong pháp luật hình sự Việt Nam quy định TNHS không chỉ đối với tội phạm do một người thực hiện mà còn đối với tội phạm do nhiều người thực hiện. Chế định đồng phạm quy định trong LHS Việt Nam là một hình thức đặc biệt của việc thực hiện tội phạm, khi tội phạm do một số người liên kết với nhau thực hiện cùng đạt được kết quả phạm tội.

Cho thấy người đồng phạm bao giờ cũng là người tham gia vào việc thực hiện tội phạm cụ thể. Pháp luật hình sự đã phân biệt rõ hai trường hợp sau: 1. Trường hợp khi một người cố ý ở hình thức này hay hình thức khác tham gia vào việc thực hiện tội phạm, thì trong điều kiện nhất định có thể truy cứu TNHS về đồng phạm; 2. Trường hợp khi một người đã biết về tội phạm đang được chuẩn bị nhưng không tham gia các hành vi cụ thể nào để tạo điều kiện cho việc thực hiện tội phạm cụ thể, ở đây TNHS đối với đồng phạm bị loại trừ, nhưng phải chịu TNHS đối với việc liên quan đến tội phạm đó.

Như vậy, có thể giải quyết vấn đề định tội danh hành vi của chủ thể với tư cách là đồng phạm trong tội phạm chỉ sau khi xác định được trong

hành vi của người đó có tất cả các dấu hiệu của khái niệm tội phạm chung và các cơ sở TNHS chung trong đồng phạm [9, tr.107].

Khi định tội danh hành vi của người đồng phạm được xem xét một cách tổng thể với các hành vi do những người đồng phạm khác thực hiện, chứ không phải xem xét một cách độc lập. Những hành vi đã được những người đồng phạm cùng thực hiện, những hậu quả thiệt hại gây ra hoặc có thể gây ra do các hành động chung của những người đồng phạm thì phải được làm sáng tỏ. Khi làm sáng tỏ các tình tiết đó cho phép xác định giới hạn, xác định khối lượng cụ thể để truy cứu TNHS từng người tham gia trong việc thực hiện tội phạm, xác định TNHS đối với từng người đồng phạm trong tội phạm là rất quan trọng.

Cho nên, định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự được tiến hành đồng thời ba quá trình sau:

Xác định các tình tiết của vụ án: Trong quá trình thực hiện các hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự của các cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và một số cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trên cơ sở các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án nhằm xác định sự phù hợp giữa hành vi thực tế đã thực hiện với các cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Chương XVIII của BLHS 1999, từ đó xác định người thực hành (người đồng thực hành) có phạm tội về ma túy hay không và phạm vào điều luật cụ thể nào của chương này, đồng thời xem xét quy định tại Điều 20 BLHS 1999 để xác định các loại người đồng phạm khác nhau gồm người thực hành, người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức. Khi tiến hành việc cá thể hóa TNHS đối với từng người đồng phạm thì các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử còn

phải làm sáng tỏ vai trò và mức độ tham gia của từng người trong việc cùng thực hiện tội phạm các tội phạm về ma túy.

Nhận thức đúng nội dung của các quy định của BLHS là một quá trình sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, quy nạp, diễn dịch và quan trọng nhất là hoạt động xác nhận và ghi nhận sự phù hợp của trường hợp phạm các tội về ma túy đang xem xét với các dấu hiệu của một CTTP được quy định trong QPPL hình sự các tội phạm về ma túy trong Chương XVIII của BLHS 1999. Rất nhiều các QPPLHS chưa xác định rõ như trường hợp bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đồng thời có nhiều tình tiết tăng nặng, có quy định trong BLHS thể hiện sự bất cập như chính sách hình sự như đối với người phạm tội chưa đủ 16 tuổi, lưu ý những người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá của người đồng phạm khác...

Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là việc đánh giá nhất định về mặt pháp lý đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện xảy ra trên thực tế khách quan, toàn diện, hành vi nguy hiểm cho xã hội do những người đồng phạm thực hiện được quyết định bởi tính chất nguy hiểm cho xã hội của người thực hành (những người thực hành) thực hiện. Điều đó kết luận rằng, việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy được thực hiện trong trường hợp đồng phạm phụ thuộc vào người thực hành thực hiện. Cơ sở để truy cứu TNHS đối với những người đồng phạm đó là hành vi thực hiện tội phạm của người thực hành; xác định tội danh nào trong Chương XVIII của BLHS 1999 đối với từng hành vi của mỗi người đồng phạm được xác định bởi CTTP do người thực hành thực hiện. Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xem xét đến tính chất đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm; xác định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do những người đồng phạm thực hiện cũng áp dụng những quy tắc như khi giải

quyết vấn đề đó đối với tội phạm do một người thực hiện. Đây là hoạt động do cán bộ làm công tác pháp luật thực hiện, những người này được trang bị những kiến thức nhất định về thể giới quan, có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm. Trong quá trình định tội danh, đòi hỏi người định tội tư duy của họ bắt nguồn từ việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật pháp lý hình sự, để nhận thức sâu rộng, đúng đắn về nội dung của các dấu hiệu trong CTTP và phát triển theo những quy luật lôgic nhất định.

Xác định mối quan hệ giữa các dấu hiệu thực tế và các dấu hiệu quy định trong luật. Việc định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm không phải là một hoạt động đơn thuần chỉ cần biết tuân thủ những đòi hỏi của luật mà nó là một nghiệp vụ pháp lý phức tạp, một dạng hoạt động nhận thức của người tiến hành định tội danh; khi hoạt động thực tế cán bộ điều tra, truy tố, xét xử tiến hành hai mặt của quá trình định tội danh. Đó là một mặt, thu thập kiểm tra, đánh giá các chứng cứ xác định các tình tiết thực tế của vụ án, đồng thời tìm hiểu và phân tích các QPPLHS để nhận thức đúng đắn nội dung của nó từ đó tạo ra tiền đề cho việc thực hiện trực tiếp quá trình định tội danh. Việc so sánh đối chiếu quá trình trên để ra văn bản áp dụng pháp luật chính là bản án và các quyết định có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục về quá trình định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm cần áp dụng đối với trường hợp phạm tội của những người đó.

Vậy, định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung QPPLHS quy định CTTP tương ứng và mối liên hệ tương đồng giữa các dấu hiệu của CTTP với các tình tiết của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định [43, tr.22].

1.2. Cơ sở pháp lý của định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm

1.2.1. Các quy định của Bộ luật hình sự

BLHS năm 1999 là Bộ luật thay thế BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 gồm hai phần là QPPL phần chung và QPPL phần các tội phạm. Phần chung quy định nhiệm vụ, các nguyên tắc, các chế định cơ bản của luật hình sự Việt Nam; Phần các tội phạm nêu mô hình cụ thể của tội phạm, các loại và mức độ trừng phạt đối với mỗi tội phạm. Phần chung và phần các tội phạm của BLHS năm 1999 có mối liên hệ chặt chẽ không thể thiếu của định tội danh, là cơ sở pháp lý để truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; định tội danh đó là lựa chọn một QPPLHS phần các tội phạm quy định trách nhiệm hình sự đối với mỗi hành vi phạm tội, những quy định này phải dựa trên các nguyên tắc, điều kiện được nêu ra trong các quy phạm phần chung. Phần các tội phạm của BLHS năm 1999 chỉ nêu định nghĩa về tội phạm đã hoàn thành, nhưng trên thực tế, có những trường hợp đòi hỏi phải có sự đánh giá một hành vi đã thực hiện nào đó là tội phạm nhưng chỉ ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa hoàn thành lại được nêu trong QPPL phần chung Điều 17, Điều 18 BLHS, do vậy khi định tội danh phải căn cứ vào QPPL phần các tội phạm, tìm ra QPPL tương ứng cho tội phạm đó ở giai đoạn hoàn thành và kết hợp với Điều 17 hoặc Điều 18 BLHS. BLHS năm 1999 phần các tội phạm còn đề cập tới hàng loạt tội phạm có dấu hiệu của hành vi tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm như Điều 81 BLHS năm 1999 chỉ ra việc thực hiện tội phạm dưới hình thức đồng phạm, khi định tội danh trường hợp đó còn phải căn cứ vào Điều 20 BLHS năm 1999 để xác định ai là người tổ chức, người thực hành, người xúi giục.

Như vậy, QPPL phần các tội phạm nêu mô hình tội phạm một cách cụ thể, chi tiết, nhờ vậy mà ta xác định được hành vi nguy hiểm cho xã hội đã

được thực hiện trong thực tế là tội phạm, nhưng trong quá trình định tội danh các quy phạm phần chung giúp ta phát hiện các dấu hiệu CTPP cụ thể, mặc dù chúng ta không áp dụng điều luật cụ thể nào của phần chung. Tất cả các QPPLHS được sử dụng khi định tội danh đều được pháp điển hóa trong BLHS, bởi vậy khi tiến hành định tội danh phải dựa vào điều luật tương ứng của BLHS. Nhưng cần đặc biệt lưu ý đến vấn đề hiệu lực của BLHS về không gian và thời gian đã được quy định trong Điều 5, Điều 6 và Điều 7 BLHS. Đặc biệt theo nguyên tắc “*chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu TNHS*”, nếu tội phạm xảy ra trước khi có luật mới quy định về hành vi đó thì hành vi đó không bị coi là tội phạm tức là điều LHS không có hiệu lực hồi tố, kể cả việc pháp luật quy định tăng nặng hình phạt cũng vậy [43, tr.64-65].

Khi định tội danh, muốn coi một người là chủ thể của của tội phạm thì người đó phải có những dấu hiệu pháp lý hình sự nhất định. Chủ thể của tội phạm theo luật hình sự Việt Nam hiện hành chỉ có thể là con người cụ thể; nhưng không phải ai cũng có thể trở thành chủ thể của tội phạm khi thực hiện hành vi được quy định trong luật hình sự; trong luật hình sự, tội phạm phải có tính có lỗi. Người có đủ điều kiện để có lỗi, để có thể trở thành chủ thể của tội phạm phải là người có năng lực TNHS đó là năng lực nhận thức được ý nghĩa xã hội của hành vi thực hiện và năng lực điều khiển hành vi đòi hỏi tất yếu của xã hội. Để có năng lực này, con người phải đủ tuổi chịu TNHS theo luật định, tất cả những người không có những đặc điểm nêu trong Điều 13 BLHS năm 1999 được coi là những người có năng lực TNHS. Trong Điều 13 BLHS năm 1999 chỉ đề cập đến tình trạng không có năng lực TNHS, đó là những người thực hiện những hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì không phải

chịu TNHS. Những người này dù thực hiện những hành vi nguy hiểm cho xã hội thì cũng không phải là chủ thể của tội phạm.

Chủ thể của tội phạm là người đã có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự cấm, có năng lực TNHS đủ tuổi chịu TNHS theo luật định [5, tr.357].

Khoản 1 Điều 12 BLHS năm 1999 quy định tuổi chịu TNHS: Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Như vậy theo nguyên tắc này, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về bất kỳ một hành vi phạm tội nào được nêu trong Phần các tội phạm BLHS năm 1999. Tuy nhiên trên thực tế TNHS về một số loại tội phạm người phạm tội từ đủ 18 tuổi trở lên, ví dụ tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Điều 259 BLHS năm 1999).

Khoản 2 Điều 12 BLHS năm 1999 quy định: Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi không phải chịu TNHS về các hành vi nguy hiểm do họ thực hiện thuộc tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý.

Khoản 2 Điều 8 BLHS năm 1999 quy định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội chia làm bốn loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tính chất mức độ của hành vi phạm tội là căn cứ để phân loại tội phạm, xác định khung hình phạt cho từng tội phạm. Tuy nhiên tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn được thể hiện ngay trong một khung hình phạt, ví dụ A và B cùng phạm tội “cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” thuộc trường hợp tại khoản 2 Điều 165 BLHS năm 1999, nhưng A phạm tội vì động

cơ vụ lợi, còn B phạm tội không có tính chất này, cho nên tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do A thực hiện nguy hiểm hơn hành vi phạm tội của B.

Vậy, khi tiến hành định tội danh một hành vi nguy hiểm cho xã hội phải căn cứ vào QPPL phần chung và QPPL phần các tội phạm của BLHS, phải viện dẫn chính xác đầy đủ điều khoản hay những điều luật liên quan đến toàn bộ hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong phần các tội phạm của BLHS; cần lưu ý tới hiệu lực về không gian và thời gian của điều khoản được viện dẫn, về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, về phân loại tội phạm...

1.2.2. Các cấu thành tội phạm của các tội phạm về ma túy theo Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Pháp luật hình sự là cơ sở pháp lý của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy. Định tội danh các tội phạm về ma túy xét đến cùng là trên sự tương đồng giữa các dấu hiệu của tội phạm ma túy xảy ra với các dấu hiệu tương ứng đã được mô tả trong CTTP cụ thể tại Chương XVIII của BLHS 1999 thuộc phần các tội phạm. Các văn bản pháp luật hình sự khác chỉ là văn bản hướng dẫn, giải thích Chương XVIII của BLHS 1999 để đảm bảo cho việc áp dụng quy định pháp luật được đúng đắn, chính xác và hiệu quả trong thực tiễn.

Trước hết phải làm rõ các khái niệm liên quan như sau:

Khái niệm tội phạm, trong công trình nghiên cứu của GS.TS Võ Khánh Vinh cho rằng: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt” [44, tr.106].

“Chất ma túy” là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành.

Danh mục các chất ma túy, tiền chất ma túy do Chính phủ ban hành bao gồm 250 chất ma túy và 43 tiền chất để sản xuất ra chất ma túy.

Căn cứ vào các điều luật về tội phạm ma túy trong BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có thể hiểu tội phạm về ma túy là *“những hành vi cố ý xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, chất hướng thần và tiền chất trong việc trồng, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các hành vi khác”*.

Tội phạm ma túy cũng có những đặc điểm chung như các tội phạm khác như tính nguy hiểm cho xã hội, tính trái pháp luật, tính có lỗi và tính chịu hình phạt; tuy nhiên có đặc điểm riêng so với các loại tội phạm khác như: có tính nguy hiểm cao cho xã hội; có tính chống đối pháp luật rất cao; tính bí mật, khép kín, cắt đoạn của hoạt động phạm tội; tính liên quan và câu kết giữa các đối tượng phạm tội.

Để đưa ra dấu hiệu pháp lý chung của tội phạm ma túy, chúng tôi dựa vào yếu tố cấu thành chung của tội phạm.

- Khách thể của các tội phạm về ma túy:

Các tội phạm về ma túy đều xâm phạm tới sự độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước; xâm phạm trật tự an toàn xã hội; xâm hại nghiêm trọng tới tính mạng, sức khỏe của con người.

Đối tượng tác động của các tội phạm về ma túy là các chất ma túy như nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao cô ca; lá, quả cây cần sa; lá cây cô ca; quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi, hêrôin, côcain; các chất ma túy khác ở thể lỏng và thể rắn. Các công cụ, phương tiện dùng để sản xuất, sử dụng chất ma túy cũng là đối tượng của một số tội phạm về ma túy được quy định trong chương này.

- Mặt khách quan của các tội phạm về ma túy bao gồm các nhóm hành vi sau đây:

Hành vi trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy đó là hành vi gieo trồng, chăm bón hoặc thu hoạch các bộ phận của cây

(như lá, hoa, quả, thân cây thuốc phiện, cây cần sa, cây cô ca có chứa chất ma túy). Có thể trồng ở vườn, đồi... Việc trồng cây thuốc phiện và các loại cây khác có chứa chất ma túy đó là thói quen lâu đời của số ít đồng bào dân tộc ít người ở vùng cao. Chính vì vậy, quan điểm của Nhà nước ta lấy giáo dục là chính, người thực hiện hành vi trồng cây có chứa chất ma túy chỉ bị truy cứu TNHS khi đã được áp dụng pháp luật hình sự cả ba biện pháp là “đã được giáo dục nhiều lần”, “đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống” và “đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm”.

Hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy; tổ chức sử dụng, chứa chấp việc sử dụng, cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy;

Hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy;

Hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy;

Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác.

- Chủ thể của các tội phạm về ma túy: Chủ thể của các tội phạm này là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của BLHS. Tuy nhiên cũng có tội phạm được thực hiện bởi chủ thể là người có chức vụ quyền hạn như Điều 201 BLHS; trong 9 tội quy định tại chương này có duy nhất tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy Điều 192 BLHS là tội phạm ít nghiêm trọng nên chủ thể của tội phạm là người từ đủ 16 tuổi trở lên, 08 tội khác luật quy định là tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng nên chủ thể của tội phạm là người từ đủ 14 tuổi trở lên. Từng điều luật trong Chương các tội phạm về ma túy quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự cũng khác nhau; ngoài ra Điều 201 BLHS chủ thể

của tội phạm quy định về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác là người có trách nhiệm trong công tác này.

- Mặt chủ quan của các tội phạm về ma túy: Tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, nghĩa là người thực hiện tội phạm nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn thực hiện và mong muốn hậu quả xảy ra. Nhưng về động cơ, mục đích của từng loại tội lại khác nhau như tội trồng cây có chứa chất ma túy vì động cơ vụ lợi hoặc thỏa mãn ý thức cá nhân; đối với tội phạm mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy có ý thức thực hiện hành vi phạm tội đến cùng bằng mọi thủ đoạn. Tuy nhiên có ít trường hợp của tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác do lỗi vô ý.

BLHS quy định về tội phạm ma túy có tính nguy hiểm cao hơn so với tội phạm khác (trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia), nó thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội về ma túy. Nhiều tội phạm trong chương này được quy định mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người phạm tội là tử hình và tù chung thân.

Từ phân tích, hiểu rõ các yếu tố, các mối quan hệ lẫn nhau giữa các yếu tố trong cấu thành các tội phạm về ma túy và hiểu được tính độc lập tương đối của chúng trong quá trình tiến hành định tội danh các tội này. Phân chia nghiên cứu một cách riêng biệt các thành phần trên cho ta hiểu biết các hiện tượng sâu sắc. Chính là lý do của việc định tội danh theo các thành phần riêng biệt của cấu thành các tội về ma túy.

1.2.3. Các dấu hiệu của đồng phạm theo Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Kế thừa và khắc phục những hạn chế của chế định đồng phạm trong BLHS trước, BLHS Việt Nam năm 1999 tại khoản 1 Điều 20 đã quy định như

sau: “*Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm*”.

Đồng phạm có nghĩa là xảy ra một tội phạm trong đó có hai người trở lên tham gia, cùng thực hiện tội phạm, thể hiện rõ đồng phạm là “trường hợp” phạm tội riêng, phân biệt với trường hợp do một người thực hiện, cần phân biệt dấu hiệu theo mặt khách quan của đồng phạm.

Thứ nhất, dấu hiệu đồng phạm thể hiện ở việc thực hiện tội phạm có sự tham gia từ hai người trở lên phải có đủ điều kiện chủ thể của tội phạm, tức là những người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi chịu TNHS theo quy định tại Điều 12 của BLHS năm 1999. Theo BLHS Việt Nam, người có năng lực TNHS là người đạt độ tuổi theo Điều 12 BLHS và không thuộc trường hợp trong tình trạng không có năng lực TNHS quy định tại Điều 13 của BLHS năm 1999. Đối với CTTP mà BLHS quy định chủ thể đặc biệt thì người thực hành là người phải có đầy đủ yêu cầu của chủ thể đặc biệt. Dấu hiệu về lượng người trong đồng phạm chỉ có trong trường hợp “hai người trở lên” tham gia có khả năng chịu TNHS theo quy định của BLHS về tội phạm cùng thực hiện. Mặc dù Điều 20 BLHS không quy định số người tối đa tham gia thực hiện tội phạm, nhưng tối thiểu phải từ hai người trở lên, những người này phải có hành vi nguy hiểm cho xã hội đến mức độ nhất định. Thực tiễn cho thấy có nhiều người tham gia gia một tội phạm, có thể tất cả những người đồng phạm đều có hành vi trực tiếp thực hiện tội phạm, cũng có thể có một người hoặc một số người trực tiếp thực hiện tội phạm, còn những người khác giữ vai trò quyết định đến hành vi phạm tội, đến hậu quả của tội phạm; có những người hành vi của họ chỉ mang tính hỗ trợ, khích lệ cho người đồng phạm khác thực hiện tội phạm, trong trường hợp này thì tại khoản 4 Điều 8 BLHS năm 1999 quy định: “những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không cao không đáng kể thì không phải là tội phạm và được

xử lý bằng các biện pháp khác”. Vậy, hành vi tham gia vào cùng thực hiện một tội phạm của những người đồng phạm phải có tính chất nguy hiểm cho xã hội phải đáng kể.

Thứ hai, việc cùng thực hiện tội phạm có nghĩa là những người đồng phạm phải tham gia vào việc thực hiện tội phạm với bốn loại hành vi: 1. Hành vi thực hiện tội phạm (thực hiện hành vi được mô tả trong CTTP), người thực hiện hành vi được gọi là người thực hành. 2. Hành vi tổ chức thực hiện tội phạm (tổ chức thực hiện hành vi được mô tả trong CTTP), người thực hiện hành vi này được gọi là người tổ chức. 3. Hành vi xúi giục người khác thực hiện tội phạm (xúi giục người khác thực hiện hành vi được mô tả trong CTTP), người thực hiện hành vi này được gọi là người xúi giục. 4. Hành vi giúp sức người khác thực hiện tội phạm (giúp sức người khác thực hiện được mô tả trong CTTP), người thực hiện hành vi này được gọi là người giúp sức. Phải có một trong những hành vi này thì là cùng tham gia thực hiện tội phạm và là người đồng phạm, trong đó hành vi trực tiếp thực hiện tội phạm là hành vi trung tâm. Trong thực tiễn vụ án đồng phạm, có thể có trường hợp, tất cả những người đồng phạm đều có cùng một loại hành vi trực tiếp thực hiện tội phạm, cũng có trường hợp chỉ một hoặc một số người có hành vi trực tiếp thực hiện tội phạm, còn những người khác chỉ có hành vi tổ chức, xúi giục hoặc hành vi giúp sức; những hành vi này thông qua, tác động đến hành vi của người thực hành để thực hiện tội phạm. Mặt khác, với một vụ án đồng phạm cũng có trường hợp một người đồng phạm tham gia thực hiện tội phạm với chỉ một loại hành vi nhưng cũng có thể với nhiều hành vi khác nhau, những người đồng phạm có thể tham gia từ đầu hoặc cũng có thể tham gia khi tội phạm đã xảy ra nhưng chưa kết thúc trên thực tế.

Với việc cùng thực hiện tội phạm thể hiện, mỗi người trong đồng phạm đều có hành vi tham gia vào việc thực hiện tội phạm, hành vi của mỗi người

được thực hiện không biệt lập mà có sự liên kết với nhau, hành vi của người này hỗ trợ, bổ sung cho hành vi của người kia và ngược lại, hành vi của mỗi người là bộ phận của hoạt động phạm tội chung nhằm thực hiện một tội phạm nhất định và mục đích chung nhằm đạt đến kết quả phạm tội. Do đó hậu quả của tội phạm là kết quả do hành vi của những người tham gia thực hiện tội phạm gây ra, hành vi của mỗi người đều có mối quan hệ nhân quả và hậu quả chung của tội phạm do đồng phạm thực hiện. Trong trường hợp tất cả những người đồng phạm đều là người thực hành thì hành vi của họ tạo thành nguyên nhân trực tiếp phát sinh hậu quả của tội phạm.

Dấu hiệu về mặt chủ quan, đồng phạm đòi hỏi những người thực hiện một tội phạm đều có lỗi cố ý, lỗi của những người tham gia đồng phạm bao giờ cũng là lỗi cố ý, nghĩa là mỗi người đều cố ý với hành vi tham gia thực hiện tội phạm của mình, đều biết và mong muốn những người đồng phạm với mình. Trong đồng phạm, những người tham gia thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội trong hành vi của mình và sự tham gia của những người khác, nên hành vi của của những người cùng trực tiếp thực hiện tội phạm diễn ra trong sự nỗ lực và liên kết với nhau nhằm đạt đến một kết quả chung. Xác định mối liên hệ đó bằng văn bản, bằng lời nói, bằng hành vi đồng ý thực hiện. Trường hợp tham gia thực hiện tội phạm có người xúi giục, người giúp sức thì những người này phải biết rõ về tội phạm mà họ xúi giục hay giúp sức người thực hành thực hiện, nhận thức được những yếu tố đặc trưng của tội phạm bởi người thực hành thực hiện và người thực hành cũng phải biết được sự tác động hay hỗ trợ họ thực hiện tội phạm từ phía người xúi giục, người giúp sức.

Do đó, nếu mỗi người đồng phạm chỉ biết mình có hành vi nguy hiểm cho xã hội mà không biết người khác cũng có hành vi nguy hiểm cho xã hội

cùng với mình thì chưa thỏa mãn dấu hiệu lỗi cố ý trong đồng phạm nên không có đồng phạm [24, 34].

Sự cố ý trong đồng phạm được thể hiện cả về lý trí và ý chí. Về lý trí, mỗi người đồng phạm đều nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi của mình và tính chất nguy hiểm của người đồng phạm khác, thấy trước được việc gây ra hậu quả chung. Về ý chí, những người đồng phạm cùng mong muốn có hoạt động chung và cùng mong muốn hoặc cùng có ý thức để mặc cho hậu quả phát sinh.

Mặt khác, với sự cùng cố ý thực hiện tội phạm của những người đồng phạm thì những người tham gia thực hiện tội phạm chỉ được coi là đồng phạm của nhau nếu tội phạm mà họ cùng thực hiện quy định dấu hiệu lỗi trong mặt chủ quan là lỗi cố ý. Trong BLHS năm 1999, CTTP cơ bản của hầu hết các tội đều được quy định với lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý. Tuy nhiên với một số tội phạm, CTTP cơ bản lại quy định dấu hiệu lỗi cố ý với hành vi khách quan và lỗi vô ý với hậu quả của tội phạm (hỗn hợp lỗi). Đối với trường hợp này, việc quy định có hay không có đồng phạm giữa những người tham gia thực hiện tội phạm gây nhiều lúng túng cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Nếu các cơ quan tiến hành tố tụng coi họ là đồng phạm của nhau thì điều này đã trái với những vấn đề lý luận chung về đồng phạm. Ngược lại, việc xét xử những người tham gia thực hiện tội phạm với tư cách là tội phạm riêng lẻ, tức là những người phạm tội chỉ chịu TNHS đối với hậu quả trực tiếp do mình gây ra, thì không phản ánh hết được tính chất nguy hiểm cho xã hội trong hành vi phạm tội của họ. Do đó, cách quy định CTTP cơ bản với dấu hiệu hỗn hợp lỗi là không hợp lý bởi với tư cách là biểu hiện của mặt chủ quan, lỗi luôn là lỗi với tất cả những tình tiết khách quan được phản ánh trong CTTP cơ bản. Vậy, không thể có những loại lỗi khác nhau đối với những tình tiết khách quan khác nhau

trong cùng CTTP cơ bản. Từ đó có thể nói rằng chỉ tồn tại hình thức hỗn hợp lỗi trong CTTP tăng nặng.

Bên cạnh dấu hiệu lỗi cùng cố ý, chúng ta có thể thấy trong mặt chủ quan của đồng phạm cũng cần phải thỏa mãn những dấu hiệu khác thuộc mặt chủ quan của tội phạm mà điều luật quy định là dấu hiệu bắt buộc. Bởi, chỉ khi thỏa mãn những dấu hiệu đó thì mỗi người thực hiện hành vi nguy hiểm mới có thể coi là phạm tội và từ đó mới được xác định là đồng phạm hay phạm tội đơn lẻ. Như vậy, cần khẳng định rằng trong trường hợp tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm thì ngoài dấu hiệu lỗi là cùng cố ý, trong mặt chủ quan của tội phạm cũng phải thỏa mãn dấu hiệu khác để hành vi của những người thực hiện được coi là tội phạm.

Những tội phạm mà BLHS quy định mục đích của tội phạm là dấu hiệu bắt buộc của CTTP thì những người đồng phạm về tội đó phải có cùng mục đích. Trường hợp không thỏa mãn dấu hiệu cùng mục đích phạm tội thì những người tham gia thực hiện tội phạm sẽ chịu TNHS độc lập với nhau. Được coi là cùng mục đích phạm tội khi những người tham gia cùng mục đích được phản ánh trong CTTP cụ thể hoặc biết rõ và tiếp nhận mục đích đó [44, tr.248-250].

Về động cơ phạm tội, hiện nay vẫn còn có những quan điểm khác nhau xoay quanh vấn đề đòi hỏi những người đồng phạm phải cùng thỏa mãn dấu hiệu động cơ hay không, nếu động cơ được luật quy định là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP.

Có quan điểm cho rằng dấu hiệu động cơ không phải là dấu hiệu bắt buộc phải có ở tất cả những người đồng phạm mà chỉ cần có ở người thực hành, bởi vì cho dù động cơ không giống nhau thì hai người trở lên vẫn có thể là đồng phạm miễn là họ cùng có lỗi cố ý và cùng mục đích hoặc tiếp nhận mục đích của nhau (trong trường hợp mục đích là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm).

Có quan điểm lại khẳng định nếu động cơ là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm mà nhiều người tham gia thực hiện thì họ chỉ là đồng phạm trong trường hợp ngoài dấu hiệu lỗi cùng cố ý và cùng mục đích (nếu mục đích là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP) thì tất cả những người đó đều phải có động cơ mà điều luật quy định hoặc ít nhất họ phải tiếp nhận động cơ của nhau. Tác giả đồng ý với quan điểm này, vì xuất phát từ định nghĩa đồng phạm là hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm thì những người tham gia thực hiện hành vi đó đều phải là người phạm tội trước khi được gọi là đồng phạm, đồng thời dấu hiệu động cơ, dấu hiệu mục đích là hai dấu hiệu trong mặt chủ quan của tội phạm, chúng đều không phải là dấu hiệu đương nhiên, bắt buộc phải có trong mọi CTTP mà chỉ mang tính bắt buộc trong một số CTTP. Vì vậy, trong trường hợp điều luật quy định chúng là dấu hiệu bắt buộc thì chúng cần được xem xét với giá trị ngang nhau. Chính vì vậy, có thể khẳng định, trong trường hợp nhiều người cùng phạm một tội mà điều luật quy định động cơ là dấu hiệu bắt buộc (ví dụ: động cơ vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác trong tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ) thì chỉ người đó có động cơ như vậy hoặc ít nhất là phải tiếp nhận động cơ này từ người phạm tội kia thì họ mới có thể là đồng phạm [24, tr.60-63].

Động cơ được quy định trong CTTP tăng nặng thì cũng yêu cầu tất cả những người đồng phạm phải có cùng động cơ đó hoặc tiếp nhận động cơ đó của nhau. Nếu những người tham gia có những hành vi nguy hiểm có người thỏa mãn dấu hiệu động cơ ở khung tăng nặng, có người không thỏa mãn thì họ chỉ là đồng phạm tội danh tương ứng nhưng thuộc các khung hình phạt khác nhau. Trong đó chỉ những người có dấu hiệu động cơ được quy định ở khung tăng nặng mới bị xét xử theo khung tăng nặng, những người còn lại bị xét xử theo khung cơ bản (nếu không thỏa mãn tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng định khung khác).

Tuy nhiên, có những điều luật quy định dấu hiệu động cơ mang tính lựa chọn, nếu người tham gia thực hiện tội phạm có động cơ khác nhau nhưng đều được quy định trong điều luật đó những người này vẫn là đồng phạm.

Định tội danh đối với trường hợp thực hiện tội phạm bằng đồng phạm các dấu hiệu khách quan và chủ quan trên đây là điều kiện quyết định để xem xét những tội phạm có từ hai người trở lên tham gia thực hiện có phải là những người đồng phạm được thực hiện bằng hình thức đồng phạm hay không. Những dấu hiệu này có mối liên quan chặt chẽ với nhau và trong tất cả mọi trường hợp hành vi phạm tội phải có đủ hai yếu tố, nếu thiếu một trong hai yếu tố thì không có đồng phạm. Việc xác định đúng hình thức đồng phạm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự giúp cho việc định tội danh đúng hành vi thực hiện tội phạm.

Tội phạm thực hiện bằng hình thức đồng phạm có sự phân vai trò, những người tham gia thực hiện tội phạm theo khoản 2 Điều 20 BLHS năm 1999 quy định *“người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức đều là những người đồng phạm”*. Khi định tội danh với những hành vi phạm tội của những người đồng phạm ở hình thức này tuân thủ các nguyên tắc chung đó là hành vi phạm tội của người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức được định tội theo Điều 20 BLHS và theo điều thuộc Phần tội phạm của BLHS được áp dụng đối với người thực hành khi định tội danh trong trường hợp này, viện dẫn Điều 20 BLHS đối với các loại người đồng phạm là bắt buộc. Giới hạn của TNHS và tính chất định tội danh còn phụ thuộc vào hành vi của người thực hành, TNHS của những người đồng phạm người ta dựa trên cơ sở tính chất tham gia của họ vào việc thực hiện tội phạm ở mức độ này hay mức độ khác đều phát sinh trách nhiệm của người thực hành. Điều này được khẳng định việc áp dụng Điều 20 BLHS và các điều luật tương ứng của BLHS đối với những người đồng phạm.

Định tội danh các hành vi phạm tội của những người đồng phạm riêng biệt trong đồng phạm có sự thỏa thuận trước về cơ bản được tiến hành theo các nguyên tắc như áp dụng trong trường hợp đồng phạm không có sự thỏa thuận trước, vấn đề này cũng có thể có cả hình thức cùng thực hành (đồng phạm giản đơn), đồng phạm có sự phân vai trò, đồng phạm có tổ chức. Những người tham gia nhóm tội phạm có tổ chức phân công vai trò với nhau, không phụ thuộc vào vai trò cụ thể nào trong việc thực hiện tội phạm thì những người tham gia nhóm tội phạm có tổ chức đó phải chịu TNHS như những người cùng thực hành. Hành vi của những người này sẽ được định tội danh theo cùng một điều luật của Phần các tội phạm và không cần viện dẫn Điều 20 BLHS. Thực tiễn đấu tranh chống tội phạm trong những năm qua cho thấy hoạt động của người tổ chức trong các vụ án hình sự thường cũng rất đa dạng. Việc dùng những khái niệm khác nhau để chỉ người tổ chức cho sát với thực tế là điều hoàn toàn cần thiết. Việc thực hiện tội phạm có tổ chức của một nhóm phạm tội đã được nhà làm luật cân nhắc đã tách loại tội phạm đó thành cấu thành định khung.

Trong đồng phạm thì người tổ chức nói chung là người giữ vai trò thành lập nhóm đồng phạm hoặc điều khiển hoạt động của nhóm đó. Người thành lập là người đã đề xướng việc thiết lập nhóm đồng phạm hoặc chỉ là người đã thực hiện việc đề xướng nó như rủ rê, lôi kéo người khác tham gia vào nhóm đồng phạm; thiết lập các mối liên hệ tổ chức giữa những người đồng phạm với nhau...Người điều khiển hoạt động của nhóm đồng phạm bao gồm: Người điều khiển hoạt động chung của nhóm như vạch kế hoạch phạm tội, phạm tội ở đâu? Đối tượng là ai? Cần chuẩn bị những gì? Ai sẽ chỉ huy?...và những người giữ vai trò trực tiếp điều khiển việc thực hiện vụ việc phạm tội cụ thể của bang nhóm.

Người chủ mưu, người cầm đầu, người chỉ huy là ba dạng khác nhau của người tổ chức, người tổ chức là người có vai trò phối hợp hành vi của những người đồng phạm khác, làm cho hành vi phạm tội chung có trật tự, có sức mạnh hơn và thường đem lại hiệu quả phạm tội cao hơn; nếu thất bại dễ che giấu tội phạm, che giấu lẫn nhau, lẫn tránh khỏi sự trừng trị của pháp luật. Cho nên, người tổ chức luôn được coi là người nguy hiểm nhất trong vụ đồng phạm, theo nguyên tắc xử lý tội phạm quy định tại Khoản 2 Điều 3 BLHS năm 1999 “*ngghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy...*”

Vậy, pháp luật hình sự không chỉ quy định TNHS đối với tội phạm do một người thực hiện, mà còn đối với tội phạm do nhiều người thực hiện. Điều 20 BLHS quy định đồng phạm, chế định đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam đã bao quát một hình thức đặc biệt của việc thực hiện tội phạm, tội phạm không phải do một người thực hiện mà do nhiều người liên kết nỗ lực thực hiện nhằm đạt kết quả phạm tội.

Đồng phạm được hình thành các cơ sở đặc biệt của TNHS, tại Điều 2 BLHS quy định “chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Xuất phát từ điều đó khi truy cứu TNHS từng người đồng phạm cần xác định người đó đã tham gia vào việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định là tội phạm trong Phần các tội phạm của BLHS.

Không thể coi là người đồng phạm đối với người không tham gia vào việc thực hiện tội phạm, mà chỉ biết tội phạm đang chuẩn bị. Người đồng phạm bao giờ cũng là người tham gia vào việc thực hiện một tội phạm cụ thể. Pháp luật hình sự đã phân biệt rõ hai tình huống: 1. Khi con người cố ý ở hình thức này hay hình thức khác tham gia vào thực hiện tội phạm. 2. Khi con người đã biết về tội phạm đang chuẩn bị và có khả năng, có thái độ tán thành với điều đó, nhưng không tiến hành các hành vi cụ thể nào tạo điều kiện cho

việc thực hiện phạm tội. Trường hợp thứ nhất, trong điều kiện nhất định có khả năng có việc truy cứu TNHS về đồng phạm; trường hợp thứ hai TNHS trong đồng phạm bị loại trừ, có khả năng có trách nhiệm hình sự đối với việc liên quan đến tội phạm, tức là TNHS về việc không tố giác tội phạm (Điều 22 và Điều 313 BLHS).

Để giải quyết vấn đề định tội danh hành vi của chủ thể với tư cách là đồng phạm trong tội phạm, khi xác định được trong hành vi của người đó tất cả các dấu hiệu của khái niệm tội phạm chung và các cơ sở chung của TNHS.

Khi định tội danh các hành vi của người đồng phạm cần xác định hành vi của người đó là nguy hiểm cho xã hội và trái PLHS. Đó là, hành vi của người đó được xem xét ở dạng tổng thể với các hành vi của những người đồng phạm thực hiện, chứ không phải là xem xét hành vi của người đó một cách biệt lập. Những hành vi đã được những người đồng phạm cùng thực hiện, thì những hậu quả có hại do hành động chung của những người đồng phạm đã gây ra hoặc có thể gây đều phải làm sáng tỏ và đánh giá. Việc làm sáng tỏ các tình tiết để trả lời vấn đề là giới hạn như thế nào, khối lượng như thế nào có thể truy cứu trách nhiệm hình sự những người tham gia trong việc thực hiện tội phạm. Đây là giai đoạn quan trọng trong việc xác định trách nhiệm hình sự những người tham gia trong việc thực hiện tội phạm; là giai đoạn rất quan trọng trong việc xác định trách nhiệm đối với đồng phạm trong tội phạm.

Xác định các định hướng chung là một phần của vấn đề định tội danh đối với hành vi phạm tội của người đồng phạm. Ví dụ: Tòa án xác định rằng đã xảy ra tội buôn bán trái phép chất ma túy do ba người thực hiện, Tòa án đã lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự Điều 194 BLHS để định tội danh đối với hành vi phạm tội của từng người đồng phạm trong tội phạm đó; việc áp dụng cùng một điều luật đối với những người đồng phạm thì chưa giải quyết hết vấn đề trách nhiệm hình sự trong trường hợp đó; trong PLHS Việt Nam

còn có nguyên tắc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt. PLHS Việt Nam coi đồng phạm là một hình thức đặc biệt của việc thực hiện tội phạm và quy định nghĩa vụ cân nhắc tình tiết đó trong việc cá thể hóa TNHS, hình phạt đối với từng người đồng phạm.

Các cơ quan tiến hành tố tụng khi xác định được tính chất của tội phạm được thực hiện do đồng phạm của hai người trở lên, đồng thời cá thể hóa TNHS đối với từng người đồng phạm, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử làm sáng tỏ vai trò và mức độ tham gia của từng người trong việc cùng thực hiện tội phạm đó. Trong thực tế thấy được khi để đạt được mục đích của những người đồng phạm này hoạt động nhiều hơn, người kia hoạt động ít tích cực hơn... Việc thực hiện tội phạm bằng đồng phạm được nhà làm luật cân nhắc. Chính vì vậy, Điều 53 BLHS chỉ rõ *“Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm...”*

Do đó, việc định tội danh đối với tội phạm được thực hiện bằng đồng phạm, đó là việc xác định tính chất của hành vi nguy hiểm cho xã hội của người thực hiện (người thực hành) tội phạm, tội phạm đó là tội phạm gì; cùng thực hiện tội phạm đó có phải là đồng phạm hay không; ở mức độ nào, khối lượng cần quy trách nhiệm đối với từng người đồng phạm.

Theo PLHS những người đồng phạm được truy cứu TNHS không phải là chung chung về đồng phạm trong tội phạm, mà về đồng phạm trong một tội phạm cụ thể do người thực hành đã thực hiện, bởi bản chất của đồng phạm là cùng thực hiện một tội phạm.

Chế định đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam, được đặc trưng bởi các yếu tố của sự phụ thuộc các giới hạn TNHS của từng người đồng phạm vào tính chất của tội phạm do người thực hành thực hiện.

Khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, Tòa án phải cân nhắc tính chất và mức độ tham gia của từng người đồng phạm (theo Điều 53 BLHS). Điều này ảnh hưởng đến việc định tội danh đối với người đồng phạm đó là có áp dụng hay không áp dụng đối với những người đồng phạm riêng biệt các điều luật của BLHS về phạm nhiều tội, hay tổng hợp hình phạt của nhiều bản án hoặc quy định về tính nguy hiểm cho xã hội không đáng kể của hành vi hoặc miễn TNHS đối với từng đồng phạm riêng biệt khi có căn cứ xác định. Theo khoản 1 Điều 25 BLHS trường hợp miễn TNHS được áp dụng cho tất cả những người đồng phạm lẫn người phạm tội riêng lẻ.

Vậy, khi xác định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do những người đồng phạm thực hiện cũng áp dụng các quy tắc như khi giải quyết vấn đề đó đối với tội phạm do một người thực hiện [43, tr.154-158].

1.3. Các yếu tố tác động đến định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm

1.3.1. Năng lực chuyên môn của người định tội danh

Một trong những điều kiện quan trọng hàng đầu đảm bảo cho việc định tội danh được đúng đó là năng lực chuyên môn vững vàng, để có năng lực chuyên môn vững vàng thì người định tội danh phải là người nắm chắc những kiến thức chuyên môn được giảng dạy ở trường đại học và phải thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật mới, chịu khó học hỏi kinh nghiệm của những thế hệ đi trước. Trên thực tế, các vụ án xảy ra rất đa dạng, ngay cả đối với một loại tội các vụ án xảy ra cũng khác nhau về tình tiết cũng như các chứng cứ trong vụ án. Cho nên, chỉ với khả năng chuyên môn vững vàng của mình, người định tội danh mới có điều kiện để cân nhắc, đánh giá toàn bộ các tình tiết của vụ án thông qua các chứng cứ xác thực đối chiếu với hành vi đã thực hiện với quy định của BLHS để từ đó xác định hành vi đó phạm tội gì. Năng

lực chuyên môn là yếu tố ảnh hưởng rất nhiều đến định tội danh; người có đạo đức tốt, tinh thần nhiệt tình công việc nếu không có chuyên môn vững vàng thì không độc lập sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp và khó có thể định tội danh đúng.

1.3.2. Đạo đức nghề nghiệp của người định tội danh

Năng lực chuyên môn là điều kiện cần thì đạo đức nghề nghiệp là điều kiện đủ, hai điều kiện này bổ sung cho nhau giúp cho người định tội danh có nền tảng cơ bản để có thể định tội danh đúng. Người định tội danh có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp thể hiện ở chỗ là người có ý thức tuân thủ pháp luật cũng như gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, là người có trách nhiệm và lương tâm trong hoạt động nghề nghiệp, là người kiên định, dũng cảm trên mặt trận chống tội phạm, bảo vệ công bằng xã hội và là người có thái độ làm việc một cách khách quan, vô tư trong công việc nhằm bảo vệ công lý. Trong hoạt động nghề nghiệp cũng như trong đời sống hàng ngày, ý thức tuân thủ pháp luật của người định tội danh phải trở thành suy nghĩ, thói quen thường trực, đây là rào chắn vững chắc ngăn chặn những cám dỗ, tiêu cực của đời sống xã hội tác động. Trong quá trình định tội danh, nếu người định tội danh thiếu sự cẩn trọng, cần thiết làm việc qua loa, đại khái thì dễ dẫn đến bỏ sót một hoặc nhiều tình tiết nào đó, từ đó dẫn đến định tội danh sai hoặc thái độ thờ ơ không quan tâm đến chất lượng công việc đang làm, đến số phận người phạm tội, có thái độ làm việc những nhieu, thiếu khách quan cũng có thể đưa đến hậu quả định tội oan, sai. Người định tội danh phải là người có bản lĩnh, dũng cảm, là người tiên phong trên mặt trận chống tiêu cực, bảo vệ công bằng xã hội; nếu phát hiện mình có sai sót do định tội sai thì dám nhận lỗi và tìm mọi cách để khắc phục sai sót đó và cũng là người không bị chi phối, tác động ý kiến của người khác, dám đấu tranh vì sự công bằng xã hội. Ngoài ra thái độ

làm việc khách quan, vô tư cũng là yếu tố cần thiết trong phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người định tội danh.

1.3.3. Hệ thống pháp luật hoàn chỉnh

Trên cơ sở hệ thống pháp luật mà trước hết là hệ thống pháp luật hoàn chỉnh đặc biệt là Chương XVIII và chế định đồng phạm quy định trong BLHS năm 1999, sửa đổi Thông tư liên tịch số 17/2007TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp thì định tội danh mới có thể có điều kiện phát huy được khả năng làm việc của mình giải quyết các vụ án về ma túy có đồng phạm.

Kết luận chương 1

Luận văn tập trung phân tích những vấn đề lý luận và pháp luật của định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm có ý nghĩa về mặt chính trị, xã hội, đạo đức, pháp luật, là điều kiện quan trọng của việc thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước nhằm đấu tranh các tội phạm về ma túy. BLHS là nguồn trực tiếp và duy nhất của quá trình định tội danh. Khi tiến hành định tội danh cần căn cứ vào CTTP là mô hình pháp lý gồm các dấu hiệu cần và đủ để truy cứu TNHS; định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án định tội danh ngoài việc tuân thủ các quy định của BLHS đối với hành vi phạm tội đã thực hiện, nắm vững các dấu hiệu của CTTP cụ thể, chỉ ra các điểm, khoản của điều luật tương ứng được quy định trong Chương XVIII của BLHS đồng thời phải nắm vững các quy định đặc thù tại các điều luật tương ứng quy định về đồng phạm và các chế định pháp lý khác.

Chương 2
THỰC TIỄN ĐỊNH TỘI DANH CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

2.1. Khái quát tình hình các tội phạm về ma túy và tình hình các tội phạm về ma túy được thực hiện bằng đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

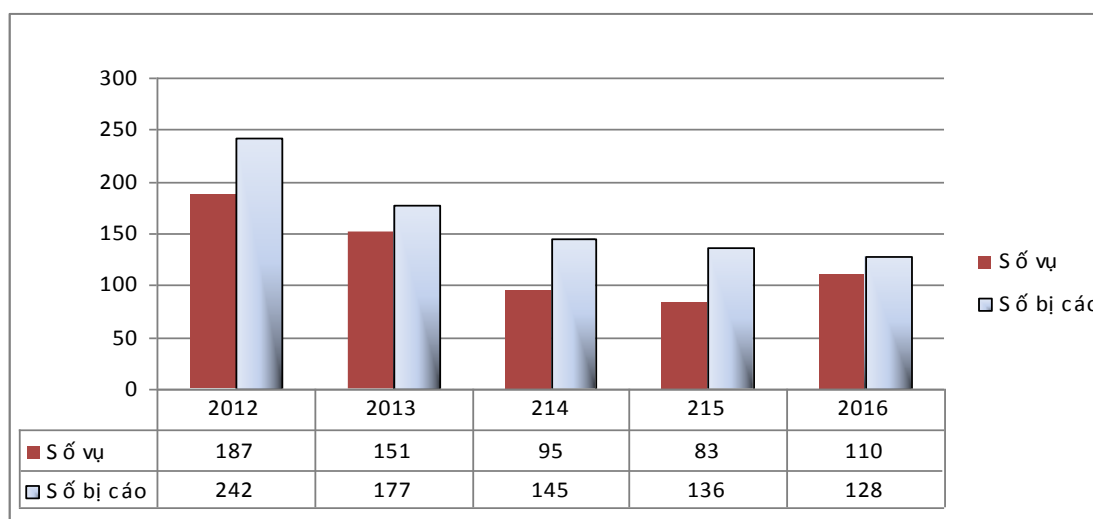
Hòa Bình là cửa ngõ của vùng Tây bắc, giáp ranh với Thủ đô Hà Nội và nhiều tỉnh khác đồng thời có Quốc lộ 6 chạy xuyên suốt tuyến; là tỉnh có các địa danh du lịch khác nhau như Suối khoáng Kim Bôi, Thác Bờ; địa bàn gồm nhiều thành phần dân cư với tính chất phức tạp khác nhau, đặc biệt do hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Hòa Bình nhìn chung có diễn biến phức tạp; các tội phạm chưa có dấu hiệu giảm, đặc biệt tội phạm về ma túy được thực hiện bằng đồng phạm có tính chất nguy hiểm và hậu quả xấu đến việc phát triển kinh tế xã hội, đe dọa tới cuộc sống bình yên của nhân dân.

Bảng 2.1. Mức độ tổng quan tuyệt đối các tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (từ năm 2012 - 2016), theo thống kê xét xử.

Năm	Số vụ án	Số bị cáo
2012	187	242
2013	151	177
2014	95	145
2015	83	136
2016	110	128
Tổng số	626	828

(Nguồn: VKSND tỉnh Hòa Bình)

Biểu đồ 2.1. Mức độ tổng quan tuyệt đối của tình hình các tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (2012-2016), theo thống kê xét xử



(Nguồn: VKSND tỉnh Hòa Bình)

Từ năm 2012 đến năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình và Tòa án nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh đã xét xử sơ thẩm 626 vụ án với 828 bị cáo phạm tội về ma túy. Nhìn vào bảng số liệu và biểu đồ (bảng 2.1 và biểu đồ 2.1) ở trên, số lượng các vụ án ma túy đã xét xử có chiều hướng tăng giảm không đều, nhưng các vụ án ma túy thì phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm ngày càng tinh vi, tội phạm có nhiều đối tượng tham gia, vận chuyển trái phép với số lượng lớn ví dụ: Vụ án Tráng A Pha; bắt qua tang vợ chồng Nguyễn quang Huy, Nguyễn Thị Hồng Thủy cùng Trần Thị Liễu vận chuyển 44 bánh êrôin, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình đã khởi tố điều tra vụ án, bị can và điều tra truy xét mở rộng vụ án đã khởi tố 12 bị can về tội mua bán trái phép chất ma túy, với số lượng các bị can đã mua là 366 bánh êrôin; căn cứ vào các tài liệu điều tra Cơ quan điều tra khởi tố và ra lệnh bắt tạm giam đối với Tráng A Pha và Sông A Thào, nhưng Pha và Thào bỏ trốn Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã và tách hành vi của Pha và Thào để tiếp

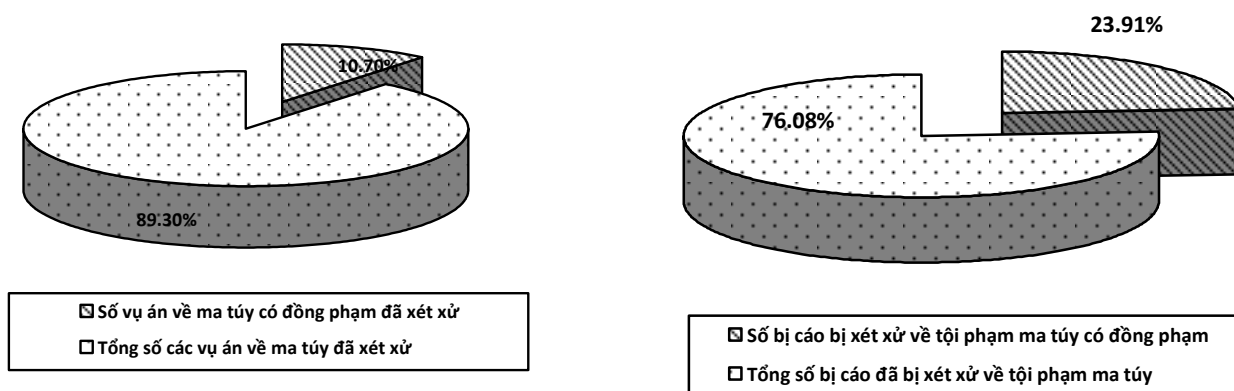
tục điều tra xử lý sau. Vụ án kết thúc điều tra, truy tố và qua hai cấp xét xử Tòa án đã tuyên các bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Tráng A Pha bỏ trốn đến ngày 11/11/2013 Pha bị bắt theo lệnh truy nã, trong suốt quá trình điều tra Tráng A Pha quanh co, chối tội, luôn kêu mệt mỏi Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Trại tạm giam đã phối hợp đưa Pha đi khám kiểm tra sức khỏe tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình hai lần, kết quả sức khỏe của Tráng A Pha hoàn toàn bình thường. Căn cứ vào các tài liệu lời khai của hai bị án khác đã chứng minh từ tháng 7 năm 2003 đến tháng 11 năm 2014 Tráng A Pha đã 9 lần mua bán tổng số 222 bánh hêrôin; khi Viện kiểm sát giao cáo trạng Pha bắt đầu tuyệt thực không ăn, không nói năng và tiếp xúc với bất cứ ai. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Tráng A Pha không đứng, không ngồi được và phải có người giữ, không có người giữ thì bị cáo nằm soài nền sàn, gọi hỏi không phản ứng. Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa trả hồ sơ yêu cầu giám định toàn bộ sức khỏe và khả năng tiếp xúc nghe, nói, tình trạng tâm thần của bị cáo. Kết quả Viện giám định pháp Y tâm thần Trung ương kết luận: trước, trong và sau khi phạm tội bị can không có bệnh tâm thần đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Trung tâm giám định pháp Y tỉnh Hòa Bình kết luận: Tráng A Pha cơ thể phát triển bình thường; hiện tại các cơ quan nghe, phát âm và các cơ quan khác không tổn thương, không có bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Căn cứ kết quả giám định Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt bị cáo Tráng A Pha mức án tử hình.

Bảng 2.2. Tương quan (tỷ lệ) giữa tình hình các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm và tình hình tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (2012-2016), theo thống kê xét xử.

Năm	Các tội phạm về ma túy có đồng phạm đã xét xử		Tổng số tội phạm về ma túy đã xét xử		Tỷ lệ (%)	
	<i>Số vụ</i> (1)	<i>Số bị cáo</i> (2)	<i>Số vụ</i> (3)	<i>Số bị cáo</i> (4)	<i>Số vụ</i> (1/3)	<i>Số bị cáo</i> (2/4)
2012	12	55	187	242	13,79	22,72
2013	9	26	151	177	1,67	14,68
2014	17	42	95	145	17,89	28,96
2015	14	44	83	136	16,86	32,35
2016	15	31	110	128	13,63	24,21
Tổng cộng	67	198	626	828	10,70%	23,91

(Nguồn: VKSND tỉnh Hòa Bình)

Biểu đồ 2.2. Mối tương quan (tỷ lệ) giữa tình hình các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm và tình hình tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (2012-2016), theo thống kê xét xử.



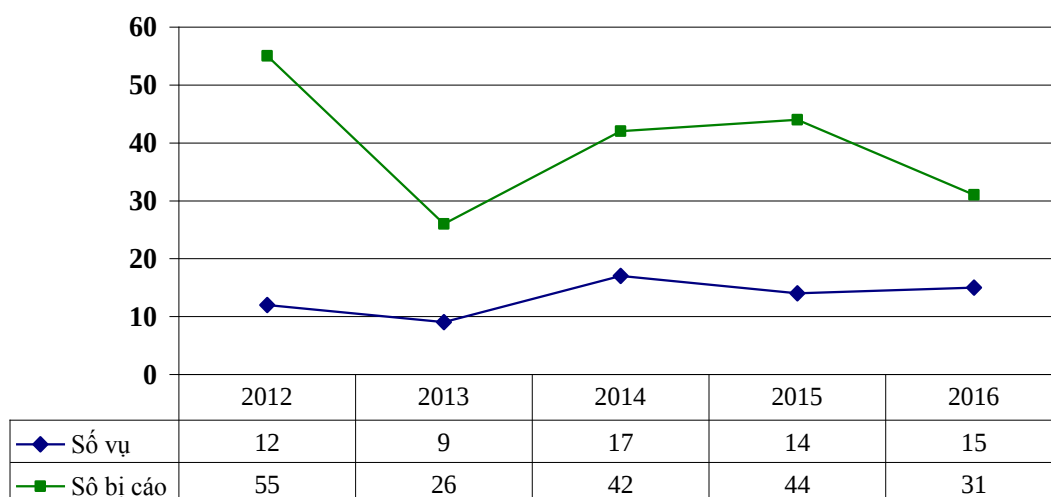
(Nguồn: VKSND tỉnh Hòa Bình)

Bảng 2.3. Mức độ tăng, giảm của số vụ, số bị cáo phạm tội về ma túy có đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (2012-2016), so với năm 20012 là năm định gốc (100%).

Năm	Số vụ	Mức độ tăng, giảm số vụ án hằng năm (%)	Số bị cáo	Mức độ tăng, giảm số bị cáo hằng năm (%)
2012	12	100%	55	100%
2013	9	Giảm 25,00%	26	Giảm 52,72%
2014	17	Tăng 88,88%	42	Tăng 61,53%
2015	14	Giảm 17,64%	44	Tăng 4,76%
2016	15	Tăng 7,14%	31	Giảm 29,54%

(Nguồn: VKSND tỉnh Hòa Bình)

Biểu đồ 2.3. Mức độ tăng, giảm của số vụ, số bị cáo phạm tội về ma túy có đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (2012-2016), so với năm 2012 là năm định gốc (100%).



(Nguồn: VKSND tỉnh Hòa Bình)

Căn cứ vào số liệu và biểu đồ (bảng 2.2, 2.3 và biểu đồ 2.2, 2.3) ta có thể thấy rằng từ năm 2012 đến năm 2016 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa và Tòa án nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh đã xét xử 67 vụ án đồng phạm (cột 1 bảng 2.2) và 198 bị cáo (cột 2 bảng 2.2), từ bảng và biểu đồ trên thì số bị cáo luôn lớn hơn số vụ án đã xét xử nhiều lần, điều đó cho thấy rằng các vụ án ma túy được thực hiện bằng đồng phạm có chiều hướng tăng giảm không đều qua từng năm. Các vụ án ma túy có đồng phạm có số bị cáo nhiều, tới 23,91% so với tổng số bị cáo phạm tội ma túy. Những vụ án này thể hiện sự nguy hiểm ở chỗ đều là những tội phạm có tính nguy hiểm lớn cho xã hội, thường hoạt động theo từng “mắt xích”, thường ngoan cố chống trả quyết liệt, hơn nữa số bị cáo trong mỗi vụ án rất lớn như năm 2012, có 01 vụ án ma túy đồng phạm có tới 23 bị cáo phạm tội, trong đó Tòa án sơ thẩm cấp tỉnh xét xử tuyên phạt 12 án tử hình; năm 2015, có 01 vụ án ma túy đồng phạm có tới 35 bị cáo phạm tội, trong đó Tòa án xét xử tuyên phạt 11 án tử hình. Trong 5 năm Tòa

án cấp sơ thẩm tỉnh đã xét xử 29 vụ án ma túy có đồng phạm có 127 bị cáo (trong đó Tòa án đã tuyên phạt 29 bị cáo mức án tử hình; 19 bị cáo mức án tù chung thân; các bị cáo còn lại mức án tù có thời hạn từ 15 năm trở lên). Thực tế có thể còn các vụ án ma túy thực hiện bằng hình thức đồng phạm nhiều hơn vì có rất nhiều vụ chỉ bắt được một người phạm tội, có thể là mua bán, có thể là vận chuyển, có thể là tàng trữ, các vụ án ma túy thường bị cắt đoạn chẳng hạn việc thực hiện hành vi mua bán thường không có người làm chứng, đối với đường dây buôn bán thường được hoạt động theo một mắt xích riêng biệt, không thể biết được toàn bộ đường dây, nên khi bắt giữ được một đối tượng, mặc dù có lời khai của người bị bắt là có người cùng tham gia thực hiện, nhưng nếu đối tượng còn lại bỏ trốn khỏi địa bàn, không lấy được lời khai hoặc không có chứng cứ nào hỗ trợ thì cũng không xác định được đó là vụ án có đồng phạm; hoặc trường hợp giao dịch qua điện thoại về địa điểm giao tiền và ma túy, giao ma túy ở một điểm chết, mua ma túy của một người không quen biết... Song qua các thủ đoạn phạm tội có đủ cơ sở để khẳng định họ không phạm tội một mình và họ có biết được mục đích mua bán trái phép chất ma túy nhưng rất khó điều tra. Nhất là điều tra các vụ án ma túy có đồng phạm là khó khăn, phức tạp, đặc biệt là đối với những vụ án truy xét, hành vi truy xét, chứng cứ chủ yếu là lời khai, vật chứng không thu giữ được, các đối tượng thường ngoan cố không nhận tội, khi đối chất nhận dạng các vụ án đồng thời theo quy định tại Khoản 3 Điều 155 BLTTHS và tiểu mục 1,4 mục 1 Phần I Thông tư liên tịch số 17/2007TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, thì Cơ quan tiến hành tố tụng phải bắt buộc trưng cầu giám định khi thu được các chất nghi là ma túy, hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy. Đối với các vụ án ma túy thì kết quả giám định các chất ma túy của cơ quan chuyên môn là rất quan trọng để nhằm xác định hành vi đó có phải là tội phạm hay không, tính chất mức độ của hành vi phạm tội như thế

nào. Chính những điều cho thấy được thực các tội phạm về ma túy còn chưa bị xử lý, đó là “*tội phạm ẩn*” tương đối lớn. Đối với các vụ án ma túy điều tra qua truy xét không thu giữ được ma túy. Qua điều tra, truy tố xác định đối tượng đã mua bán, vận chuyển hàng chục, trăm bánh hêrôin (khẳng định qua các lời khai, còn thực tế không thu giữ được bánh hêrôin nào) không có vật chứng để giám định hàm lượng hoặc các đối tượng trước đây bị khởi tố điều tra theo trọng lượng ma túy truy xét qua lời khai, bỏ trốn khi bắt được xử lý rất khó khăn. Thực tế các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Hòa Bình, các vụ án ma túy truy xét thì không thu giữ được chất ma túy, chỉ dựa vào lời khai của bị can, bị cáo tính như bánh, cây, chỉ; đồng thời lấy mẫu chất ma túy ở phần bắt quả tang, có nguồn gốc mẫu mã, kích thước đã thu giữ được để làm căn cứ xác định trọng lượng chất ma túy các bị can, bị cáo đã mua bán, vận chuyển; các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử đã vận dụng để truy cứu TNHS đối với các tội phạm về ma túy là vận dụng chưa đúng với các quy định của BLHS và các văn bản pháp luật.

Bảng 2.4. Số vụ và số bị cáo đã xét xử sơ thẩm về các tội phạm cụ thể về ma túy có đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (2012-2016)

Năm	Tội danh	Điều luật	Tổng số	
			Vụ	Bị cáo
2012	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy	194	12	55
2013	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy	194	9	26

Năm	Tội danh	Điều luật	Tổng số	
			Vụ	Bị cáo
2014	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy	194	17	42
2015	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy	194	14	44
2016	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy	194	15	31
Tổng số			67	198

(Nguồn: VKSND tỉnh Hòa Bình)

BLHS năm 1999 ghi nhận nội dung định tội danh trong trường hợp đồng phạm, các quy định cụ thể về đồng phạm đã thể hiện sự phù hợp với các hiện tượng phạm tội trên thực tế và đánh dấu bước phát triển về chất trong hoạt động lập pháp hình sự Việt Nam. Các tội phạm về ma túy quy định tại Điều 194 BLHS có tội danh ghép, đây là các tội phạm độc lập khác nhau, có cấu thành tội phạm khác nhau, gồm nhiều hành vi có tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau nhưng được quy định cùng trong một điều luật. Ví dụ trong một vụ án về ma túy có nhiều người tham gia trong đó A người thực hiện nhiều hành vi mua bán, thuê vận chuyển, cất giữ; B chỉ thực hiện một hành vi vận chuyển trái phép. Trong trường hợp này A thực hiện đầy đủ các hành vi, hành vi này nối tiếp hành vi kia thì A thực hiện nhiều hành vi phạm tội phải định tội danh đầy đủ các hành vi đã thực hiện mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy; Còn B chỉ thực hiện một hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy: Nếu xác

định được B biết mục đích hành vi của A thì định tội danh đầy đủ các hành vi đã thực hiện như hành vi của A với vai trò là người đồng phạm; nếu xác định B không biết được mục đích của A chỉ vận chuyển kiếm một ít tiền thì định tội độc lập về tội vận chuyển trái phép chất ma túy.

Việc nghiên cứu các bản án xét xử sơ thẩm đối với các bị cáo phạm tội đơn lẻ và các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm về các tội phạm về ma túy, cho thấy nhận thức của đội ngũ Thẩm phán ngày càng được nâng cao theo hướng cụ thể, chính xác và rõ ràng; nhận thức thấu đáo các khái niệm liên quan đến chế định đồng phạm mang tính định tính và khái niệm có tổ chức với năng kính khách quan trên cơ sở kinh nghiệm xét xử được tích lũy.

Nhìn vào bảng số liệu (bảng 2.4) từ năm 2012 đến năm 2016 trên toàn tỉnh Hòa Bình, Tòa án nhân dân hai cấp đã xét xử 100% là Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy trong trường hợp đồng phạm (Điều 194 BLHS).

Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hòa Bình, trong 5 năm không xét xử vụ án nào về các tội phạm ma túy sau:

- Tội trồng cây thuốc phiện và các loại cây khác có chứa chất ma túy quy định (Điều 192 BLHS);
- Tội sản xuất trái phép chất ma túy quy định (Điều 193 BLHS);
- Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy quy định (Điều 195 BLHS);
- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại (Điều 196 BLHS);
- Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định (Điều 197 BLHS);

- Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy quy định (Điều 198 BLHS);
- Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy quy định (Điều 200 BLHS);
- Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác quy định (Điều 201 BLHS).

2.2. Thực tiễn định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

2.2.1. Thực tiễn định tội danh đúng

Thực tiễn định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm, được các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự trên địa bàn tỉnh Hòa Bình dựa trên các quy định của BLHS, những dấu hiệu đặc trưng của tội phạm và các quy định về đồng phạm.

Qua khảo sát thực tế định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong trường hợp đồng phạm tại tỉnh Hòa Bình, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng định tội danh được tiến hành theo các nhóm yếu tố khách quan của tội phạm (khách thể và mặt khách quan). Các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng khi tiến hành định tội danh hiểu rõ sự phân chia các dấu hiệu trong CTTP tồn tại trong một thể thống nhất tạo nên các CTTP riêng biệt. Việc định tội danh xác định TNHS của những người đồng phạm trong vụ án có nhiều người tham gia, được các chủ thể định tội danh tiến hành trên cơ sở xác định sự cùng cố ý phạm tội của họ, bởi không có sự cố ý thì không có đồng phạm. Từ số liệu đã xét xử, việc định tội danh các tội phạm về ma túy cơ bản là đúng nhất là đối với Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong trường hợp đồng phạm. Bởi vì, bao nhiêu vụ được đưa ra xét xử là bấy

nhieu vụ đã được định tội danh chính xác. Số vụ án đã xét xử không có án bị hủy do định tội danh không đúng, không có vụ án bị kháng nghị theo trình tự thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Tại Hòa Bình không có trường hợp nào xác định sai tội danh, bỏ lọt tội phạm hay xử oan người vô tội.

Có được kết quả trên đây là do sự nỗ lực rất lớn từ phía các cơ quan tố tụng Hòa Bình, những người tiến hành tố tụng có trình độ lý luận cơ bản vững chắc, trên cơ sở đó áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để củng cố chứng cứ, nhận dạng, đối chất để đánh giá phân tích, tổng hợp những yếu tố và các văn bản liên quan một cách chính xác, đồng thời tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về định tội danh thì mới định tội danh đúng.

Các vụ án dưới đây là minh chứng rõ nét cho nhận xét nêu trên.

Vụ án thứ nhất có nội dung như sau:

Khoảng 8 giờ sáng ngày 11/11/2014 Giàng A Sênh gọi điện thoại cho Giàng A Chứ và lý A Tráng đến thị trấn Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và giới thiệu Chứ với Tráng để hai người làm quen. Ngày 12/11/2014, Sênh thuê Chứ và Tráng vận chuyển 08 bánh hêrôin từ Mường Lát - Thanh Hóa đến Lào Cai, song việc Sênh trả 80.000.000 đồng. Chứ và Tráng đồng ý; Sênh đưa cho Tráng 1.000.000 đồng để Tráng sửa xe máy (vì xe máy của Tráng bị hỏng), Tráng sửa xe xong, Sênh đưa cho Tráng một bọc tiền 40.000.000 đồng và nói với Tráng và Chứ, hai người đưa số tiền này cho người bán ma túy ở phòng số 7, nhà nghỉ Xuân Bình; hỏi về thời gian, địa điểm giao nhận ma túy và bảo Tráng là người nhận hêrôin. Tráng cầm tiền cùng Chứ sang phòng số 7 gặp một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ; Tráng đưa bọc tiền 40.000.000 đồng và nói Tráng và Chứ là người của Sênh và hỏi người này về thời gian, địa điểm giao nhận hêrôin; người đó nói thời gian giao hêrôin khoảng 17 giờ cùng ngày ở gần Lâm trường huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Tráng nói Chứ là người nhận hêrôin,

Chứ đồng ý. Sênh và Tráng đi trước, Chứ ở lại nhận hêrôin rồi đi sau, ba người hẹn gặp nhau ở ngã ba Tòng Đậu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Sênh điều khiển xe máy biển kiểm soát 36B1-232.77 của Tráng chở Tráng đến điểm hẹn chờ Chứ. Đúng hẹn, 17 giờ cùng ngày Chứ điều khiển xe máy biển kiểm soát 36K1-007.25 đến địa điểm nhận hêrôin, gặp người bán ma túy đưa cho Chứ một túi màu đen và nói bên trong có hêrôin. Chứ nhận hêrôin không mở ra xem để lên giá để hàng giữa xe máy rồi đi đến Cây xăng ngã ba Tòng Đậu, huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình gặp Sênh và Tráng ba người cùng đi đến Lào Cai theo sự chỉ dẫn của Sênh. Khi đi đến khu vực Xóm Nhuổi, xã Tòng Đậu, huyện Mai Châu thì Tráng và Chứ bị bắt, Sênh bỏ chạy lên rừng.

Tại bản kết luận giám định số 03/PC54 ngày 17/11/2014 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: “08 gói chất bột màu trắng dạng cục niêm phong ghi tên Giàng A Chứ có tổng trọng lượng 2.771,24 gam. 08 Mẫu chất bột màu trắng dạng cục ký hiệu từ M1 đến M8 trong hộp niêm phong ghi tên Giàng A Chứ đều có thành phần hêrôin”,

Tại bản kết luận giám định số: 6848/C54 (P7), ngày 22/01/2015, Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm kết luận: Hàm lượng hêrôin trong 08 mẫu ký hiệu từ M1 đến M8, mẫu thấp nhất là 51,9%; mẫu cao nhất là 55%, Hàm lượng trung bình 53,6%.

Đối tượng Giàng A Sênh bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can, ra quyết định truy nã; khi nào bắt được Sênh giải quyết sau.

Bản án hình sự sơ thẩm số 29/HSST/2015 ngày 23/12/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Xử phạt Giàng A Chứ tử hình và xử phạt Lý A Tráng tù chung thân Tội vận chuyển trái phép chất ma túy.

Việc định tội danh và xem xét TNHS những người đồng phạm có nhiều người tham gia, về chủ quan xác định được sự cùng cố ý phạm tội của họ. Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự bàn bạc mà làm theo sự chỉ dẫn của Giàng A Sênh, không phải phạm tội có tổ chức là đồng phạm gián đơn. Bị cáo Chứ là người trực tiếp vận chuyển 2.771,24 gam hêrôin nên Chứ phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; bị cáo Tráng giữ vai trò đồng phạm, giúp sức tích cực cho Chứ, đi dò đường cho Chứ để Chứ vận chuyển hêrôin nên hình phạt của bị cáo Tráng thấp hơn bị cáo Chứ.

Vụ án ma túy này cũng bị cắt đoạn bởi, bị cáo Chứ khai nhận ma túy của người bán không biết tên, không biết địa chỉ do đó các cơ quan tiến hành tố tụng không mở rộng để điều tra xử lý được vụ án toàn diện và triệt để.

Vụ án thứ hai: Vụ Đinh Thị Kim Oanh, Phạm Ngọc Nhanh và Nguyễn Phương Thảo phạm tội *“mua bán trái phép chất ma túy”*

Bị cáo Oanh và Thảo quen nhau từ trước; bị cáo Oanh quen bị cáo Nhanh thông qua bị cáo Thảo. Oanh rủ Thảo mua một bánh hêrôin của Nhanh mang vào thành phố Hồ Chí Minh bán. Toàn bộ tiền mua một bánh hêrôin là của Oanh; Oanh trực tiếp trao đổi với Nhanh về giá, thanh toán tiền cho bị cáo Nhanh và nhận hêrôin. Ngày 11/11/2014 tại nhà nghỉ Hương Trà, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Oanh và Nhanh trao đổi việc mua bán hêrôin, Thảo không chứng kiến nhưng sau đó Thảo đều được Oanh thông báo toàn bộ nội dung cuộc trao đổi giữa Oanh và Nhanh về giá mua một bánh heroin là 170.000.000 đồng (đã đưa cho Nhanh 150.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng khi nào nhận hêrôin sẽ trả hết) và đến 19 giờ cùng ngày sẽ nhận hêrôin.

Nhanh đi xe máy biển kiểm soát 26B1-953.98 từ nhà nghỉ Hương Trà qua đường dân sinh thuộc xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La sang nước Lào gặp người đàn ông đi đường khu vực bản Muống mà Nhanh quen từ

trước không rõ tên, tuổi địa chỉ. Nhanh mua của người này một bánh hêrôin với giá 145.000.000 đồng, khi về đến xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La sau đó gọi điện thoại cho Oanh đến nhận hêrôin. Oanh nói cho Thảo biết đã có hêrôin và Thảo gọi xe tắc xi thảo quen (Vũ Nhật Tuấn) đến nhà nghỉ Hương Trà đón Thảo và Oanh đi có việc. Do Tuấn bận nên bố Tuấn là Vũ Trọng Tuyển lái xe biển kiểm soát 26A-019.21 đến đón Thảo và Oanh và lái xe theo sự chỉ dẫn của Thảo và Oanh, khi đi đến ngã ba đội 1, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu thì gặp Nhanh đi xe máy, Oanh bảo Tuyển đỗ xe lại, Nhanh đưa qua cửa kính xe cho Oanh 1 bánh hêrôin, Oanh nhận và đưa lại cho Nhanh 20.000.000 đồng lúc đó khoảng 19 giờ (hai người không nói gì với nhau); Thảo và Tuyển nhìn thấy Nhanh và Oanh gặp nhau, nhưng Tuyển không biết việc nhận ma túy và giao tiền giữa hai người đó. Oanh để bánh hêrôin vào giá để hàng phía sau ghế phụ Thảo ngồi, bảo Tuyển lái xe đi Hà Nội. Trên đường đi Oanh, Thảo, Tuyển không nói chuyện gì với nhau, khi Tuyển lái xe đến khu vực xóm Suối rút, xã Tòng Đậu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình thì gặp tổ công tác Công an tỉnh Hòa Bình yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện tại giá để hàng phía sau ghế phụ của cửa xe ô tô có một gói dạng bánh hình hộp chữ nhật được quấn bên ngoài bằng lớp nilon màu trắng, vàng, xanh. Oanh và Thảo khai đó là bánh hêrôin mua của Phạm Ngọc Nhanh ở tiểu khu 4, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Tại biên bản niêm phong, cân xác định trọng lượng ngày 13/11/2014 của Công an tỉnh Hòa Bình xác định: chất bột màu trắng của Đinh Thị Kim Oanh và đồng phạm có trọng lượng là 348,13 gam.

Tại bản kết luận giám định số 02/PC45 ngày 17/11/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận:

Gói chất bột màu trắng dạng cục trong hộp niêm phong mang tên Đinh Thị Kim Oanh có trọng lượng: 348,13 gam.

Mẫu chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong ghi tên Đinh Thị Kim Oanh có thành phần hêrôin.

Tại kết luận giám định hàm lượng số 6850/C54(P7) ngày 13/01/2015 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: Chất bột màu trắng gửi giám định có hàm lượng hêrôin là 46,0%.

Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2015/HSST ngày 15/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tuyên bố các bị cáo Đinh Thị Kim Oanh, Phạm Ngọc Nhanh và Nguyễn Phương Thảo phạm tội: *“Tội mua bán trái phép chất ma túy”*.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Xử phạt Đinh Thị Kim Oanh, 20 (hai mươi) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS. Xử phạt Phạm Ngọc Nhanh 18 (mười tám) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS. Xử phạt Nguyễn Phương Thảo 16 (mười sáu) năm tù.

Trong vụ án này các bị cáo Đinh Thị Kim Oanh, Nguyễn Phương Thảo và Phạm Ngọc Nhanh có năng lực TNHS, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, song do hám lời các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm.

Vụ án có ba bị cáo cùng thực hiện tội phạm không có sự bàn bạc phân công vai trò của từng người, do đó không phải phạm tội có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó Oanh là người khởi xướng, lôi kéo bị cáo Thảo và là người thực hành tích cực, trực tiếp giao dịch với Nhanh trong việc mua bán 01 bánh hêrôin, chuẩn bị tiền, nhận hêrôin từ Nhanh và để trong tắc xi.

Bị cáo Nhanh trực tiếp trao đổi với bị cáo Oanh về giá bán 01 bánh hêrôin, nhận tiền của bị cáo và dùng tiền này để mua 01 bánh hêrôin rẻ hơn

giá thỏa thuận với Oanh, được hưởng chênh lệch 25.000.000 đồng, vậy vai trò của bị cáo Nhanh gần ngang bằng với bị cáo Oanh.

Bị cáo Thảo giới thiệu cho bị cáo Oanh gặp bị cáo Nhanh để mua hêrôin, Thảo không góp tiền với Oanh để mua 01 bánh hêrôin. Khi Oanh và Nhanh trao đổi mua bán hêrôin Thảo không chứng kiến nhưng đều được Oanh thông báo lại việc Oanh và Nhanh thỏa thuận giá cả và thời gian giao hàng; gọi xe tắc xi, cùng Oanh đi tắc xi để nhận hêrôin. Do đó vai trò của bị cáo Thảo thấp hơn bị cáo Oanh và bị cáo Nhanh nên mức án của Thảo thấp hơn bị cáo Oanh và Nhanh là phù hợp.

Đối với người bán ma túy cho Phạm Ngọc Nhanh là người nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, do căn cước, lý lịch không rõ ràng nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Vụ án này cũng cũng bị cắt đoạn không giải quyết được toàn diện vụ án.

Vụ án thứ ba: Vụ Phạm Văn Hải, Bùi Đức Tiếp phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Khoảng 21 giờ ngày 20/11/2015, Bùi Đức Tiếp rủ Phạm Văn Hải đem chiếc tivi hiệu Samsung đến hiệu cầm đồ của anh Lê Xuân Hùng ở tổ 5, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình bán được 2.500.000 đồng. Tiếp đưa cho Hải 1.000.000 đồng bảo Hải đi mua ma túy về cùng sử dụng. Hải cầm tiền và mua được 03 gói hêrôin của một người đàn ông không quen biết ở khu vực chân dốc Cun. Sau khi mua được ma túy, Hải đem về đưa cho Tiếp 01 gói, Hải cất giữ 01 gói và 01 gói cả hai đem ra cùng nhau sử dụng rồi ai về nhà đấy. Đến 14 giờ 30 phút ngày 21/11/2014, tổ công tác Công an huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình kiểm tra hành chính và phát hiện Hải đang cất giấu trong người 01 gói hêrôin khi Hải đang ở nhà em trai là Phạm Tuấn Anh ở xóm Rừng, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi, Cơ quan Công an đã lập biên bản

bắt người phạm tội quả tang. Quá trình điều tra Hải khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm.

Bản kết luận giám định số 07/PC54 ngày 25/11/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: *“mẫu chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong gửi giám định có trọng lượng 0,20 gam chứa thành phần hêrôin”*.

Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HSST ngày 18/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi áp dụng khoản 1 Điều 194; khoản 1 Điều 46 BLHS. Xử phạt Phạm Văn Hải 24 (Hai mươi bốn) tháng tù và xử phạt Bùi Đức Tiếp 24 tháng tù về tội *“Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Trong vụ án này các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, cất giấu chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do coi thường pháp luật, nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của Phạm Văn Hải là người thực hành tích cực, Bùi Đức Tiếp là người cung cấp tiền để Hải đi mua ma túy và cũng được sử dụng số ma túy bị cáo Hải mua được, hai bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án đồng phạm.

Vụ án này còn có người đàn ông mà bị cáo Hải mua ma túy, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không đề cập giải quyết. Vậy vụ án này cũng bị cắt đoạn, không giải quyết được toàn diện vụ án.

Định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hoá trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một cách công minh có căn cứ pháp luật.

2.2.2. Khó khăn, vướng mắc, sai lầm và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình định tội danh đối với Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy trong trường hợp đồng phạm còn bộc lộ những khó khăn, vướng mắc, sai lầm như:

Thứ nhất, thực tiễn định tội danh trong trường hợp đồng phạm, cho thấy Tòa án chỉ xét xử được một người đồng phạm, những người đồng phạm khác bỏ trốn chưa bắt được, cho nên các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án gặp khó khăn trong việc thu thập chứng cứ và lời khai, không đánh giá được toàn diện vụ án, ảnh hưởng lớn đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm; có những trường hợp người đồng phạm bị xét xử thường đổ lỗi cho người đồng phạm khác bỏ trốn; trên thực tế nhiều vụ án ma túy không đánh giá được toàn diện vụ án, không xử lý được triệt để thường bị cắt đoạn bởi người bán là người không quen biết, không rõ địa chỉ.

Về nguyên tắc cá thể hóa TNHS trong đồng phạm, Điều 53 BLHS quy định khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm thì Tòa án phải xem xét đến tính chất của đồng phạm và tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm hoạt động phạm tội chung. Trong khi đó BLHS mới chỉ quy định “*nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy*”, không đề cập đến người thực hành, người giúp sức và người xúi giục. Cho nên dẫn đến việc định tội danh, xác định mức độ tham gia của người đồng phạm khác không phải là người tổ chức, còn mang tính cào bằng, chưa lượng hóa được mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cụ thể của từng người đồng phạm trong hoạt động phạm tội chung.

Thứ hai, thực tiễn cho thấy, trong vụ án có đồng phạm, một người đồng phạm có thể tham gia một loại hành vi hoặc có thể tham gia nhiều loại hành vi, vừa có thể là người tổ chức vừa là người xúi giục, vừa có thể là người tổ chức vừa là người thực hành. Trong những trường hợp như vậy thì định tội danh như thế nào trong trường hợp đồng phạm đã hoàn thành, trong trường hợp đồng phạm chưa hoàn thành và trong trường hợp nửa chừng chấm dứt việc phạm tội? BLHS cũng chưa quy định cụ thể vấn đề này.

Về xác định chất ma túy và trọng lượng chất ma túy, theo quy định tại khoản 3 Điều 155 BLTTHS và tiểu mục 1,4 mục 4 Phần I Thông tư liên tịch số 17/2007/TLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, thì cơ quan tiến hành tố tụng phải bắt buộc trưng cầu giám định khi thu được các chất nghi là ma túy, hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy. Thực tế các Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Hòa Bình cũng có sai sót chưa giám định hàm lượng các chất ma túy. Như vụ án Phạm Gia Công, Đào Thị Lan phạm tội “*Tội tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy*” tại bản án hình sự phúc thẩm số 145/2015/HSPT ngày 25/4/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã quyết định: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 23/2014/HSST ngày 12/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật hình sự, giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình để điều tra lại, lý do: Do các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực hiện việc giám định hàm lượng chất ma túy theo quy định tại điểm 1.4 điểm b mục 1 của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007, chưa đáp ứng được quy định của pháp luật hiện hành, nên chưa có căn cứ pháp luật để giải quyết vụ án.

Tuy nhiên trong thời gian vừa qua khi giải quyết các vụ án phạm tội về ma túy, đối với các vụ án ma túy truy xét thì không thu giữ được chất ma túy, mà chỉ dựa vào lời khai của các bị can, bị cáo bằng các đơn vị tính như bánh, cây, chỉ. Thì các cơ quan tiến hành tố tụng lấy mẫu chất ma túy ở lần bắt giữ quả tang, có cùng nguồn gốc, mẫu mã, kích thước đã thu được. Đồng thời căn cứ vào lời khai của các bị can, bị cáo để làm căn cứ xác định trọng lượng chất ma túy các bị can, bị cáo đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ.

Những khó khăn, vướng mắc, sai lầm nói trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có thể kể đến:

Thứ nhất, đó là tội phạm ma túy là loại tội có đặc thù riêng mà hệ thống pháp luật làm cơ sở pháp lý cho hoạt động định tội danh các tội phạm về ma túy còn chưa đồng bộ. Qua thực tiễn định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, thấy được việc quy định ghép một số hành vi phạm tội ma túy trong một điều luật (Điều 194), thực tiễn các hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy được áp dụng chung trong một điều luật, để xử lý là chưa bình đẳng về chính sách hình sự hoặc tại Điều 46 khoản 1 điểm p quy định về thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ, nhưng khi áp dụng còn mâu thuẫn vì các bị cáo càng khai ra nhiều thì áp dụng khung hình phạt nặng hơn, hay trường hợp tự khai những việc phạm tội khác ngoài lần bị Cơ quan điều tra phát hiện thì bị xử lý nặng hơn theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS là chưa phù hợp, trong khi đó, đối tượng ngoan cố không nhận tội thì chỉ bị xử lý theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm ta thấy hành vi tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy không nguy hiểm bằng hành vi mua bán trái phép chất ma túy, mà trong Điều 194 BLHS lại quy định mức hình phạt đối với các hành vi đó như nhau và đều có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình, điều này chưa đảm bảo tính khoa học và hợp lý.

Trong BLHS năm 1999 quy định về “*các chất ma túy ở thể rắn*”, “*các chất ma túy khác ở thể lỏng*” còn chưa cụ thể và chưa sát thực tiễn. Việc giám định hàm lượng các chất ma túy hoặc giám định ma túy tổng hợp ở thể rắn, thể lỏng chưa đáp ứng được do chưa có đủ thiết bị kỹ thuật để giám định. Mặt khác, tính trọng lượng ma túy trong một số vụ án cũng chưa thống nhất, có vụ lấy hàm lượng là tinh chất ma túy, nhưng có vụ lại lấy trọng lượng thực tế gồm tinh chất và tạp chất thu giữ để truy cứu TNHS.

Thực hiện Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII các tội phạm về ma túy của BLHS năm 1999, đây là văn bản hướng dẫn tương đối đầy đủ cụ thể. Tuy nhiên đã bộc lộ những khó khăn vướng mắc trong việc giám định chất ma túy, xác định trọng lượng chất ma túy, tình tiết phạm tội nhiều lần, một số tình tiết là yếu tố định khung hình phạt, việc xác định tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của từng chất ma túy để xác định khung, khoản của điều luật ...Nhu cầu đối với tình tiết *“phạm tội nhiều lần”*, quy định tại khoản 2 các Điều 193, 194, 195, 196, 197, 198, 200, 201 của BLHS năm 1999 và theo hướng dẫn tại tiêu mục 2.3 thì được hiểu là từ hai lần phạm tội trở lên mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố CTPP quy định tại khoản 1 điều luật tương ứng.

Tiêu mục 1.4 mục 1 Thông tư 17 chỉ hướng dẫn đối với chất không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, lại không hướng dẫn đối với trường hợp chất được giám định là chất ma túy, nhưng chưa được nêu trong danh mục các chất ma túy, tiền chất và các chất hóa học tham gia vào quá trình chế tạo các chất ma túy theo Nghị định số 67/2001/NĐ-CP ngày 01/10/2001 của Chính phủ và Nghị định 163/2007/NĐ-CP ngày 12/11/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2001/NĐ-CP. Cho nên còn những khó khăn, vướng mắc.

Thứ hai, trình độ chuyên môn của một số Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán còn chưa nắm vững BLHS và văn bản hướng dẫn khác liên quan đến định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm.

Là những người có vai trò quan trọng trong việc định tội danh các tội phạm nói chung và các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm nói riêng, họ chính là người trực tiếp thực hiện hầu hết các giai đoạn của quá trình

định tội danh, nhìn chung trình độ lý luận chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán đã được nâng cao, tuy nhiên một bộ phận cán bộ này còn hạn chế về năng lực thực tế, kinh nghiệm trong quá trình định tội danh, do đó chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Một số chưa nắm vững quy định của BLHS và các văn bản hướng dẫn nên không áp dụng được các biện pháp trong khi định tội danh các vụ án ma túy có đồng phạm. Chưa chủ động tích cực trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; chưa nghiên cứu tổng hợp khách quan tất cả các tình tiết buộc tội và tất cả các tình tiết buộc tội và gỡ tội. Vấn đề nữa là tỷ lệ người định tội danh biết tiếng dân tộc thiểu số, thông thạo ngoại ngữ còn hạn chế, do đó trong quá trình giải quyết vụ án gặp khó khăn do bất đồng ngôn ngữ, hạn chế việc khai thác, đánh giá chứng cứ, mở rộng vụ án làm rõ các tình tiết liên quan.

Bên cạnh đó chế độ chính sách đãi ngộ cho Điều tra viên, Kiểm sát viên còn chưa thỏa đáng, đời sống còn nhiều khó khăn, làm cho một số cán bộ chưa yên tâm công tác hoặc tập trung chưa đúng mức vì còn phải lo cuộc sống gia đình, Chính sách đối với cán bộ như tiền lương, phụ cấp, nhà ở, điều kiện làm việc đã được cải thiện nhưng còn bất hợp lý, chưa tạo động lực phát huy sở trường trong công tác chuyên môn.

Thứ ba, tình hình diễn biến các tội phạm ma túy ngày càng đa dạng, phức tạp, các đối tượng phạm tội hoạt động tinh vi, xảo quyệt và manh động, vụ án ma túy thường bị cắt đoạn, tội phạm ẩn cao. Trong khi đó công tác tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn, giải thích pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy còn chưa thường xuyên.

Thứ tư, Cơ sở vật chất, điều kiện phương tiện kỹ thuật còn hạn chế. Thực tế tội phạm ma túy chúng thường trang bị hệ thống thông tin liên lạc rất hiện đại, như máy Fax, điện thoại di động, điện thoại cố định, bộ đàm, ô tô các công cụ, thiết bị để tự sản xuất, điều chế ma túy và các loại vũ khí nóng; với

thủ đoạn, kinh nghiệm cất giấu, vận chuyển, mua bán chúng còn cung cấp cho nhau tin tức về tình hình đấu tranh chống các tội phạm về ma túy của các cơ quan chức năng tránh bị phát hiện bắt giữ. Trong khi đó các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, kinh phí phục vụ cho hoạt động trinh sát, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về ma túy còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế hiện nay, điều này phần nào ảnh hưởng đến các lực lượng phòng chống ma túy nói chung và người tiến hành định tội danh nói riêng.

Ngoài những nguyên nhân trên còn có những nguyên nhân khác nữa cần được nhận thức đầy đủ, đồng thời khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo việc định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm không làm oan người vô tội không bỏ lọt tội phạm, định tội danh được chính xác bảo vệ tốt nhất quyền con người trong lĩnh vực hình sự.

Kết luận chương 2

Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên cơ sở các số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình trong 5 năm (từ năm 2012-2016), tác giả phân tích định tội danh đúng về các tội phạm ma túy trong trường hợp đồng phạm, những kết quả đạt được về lĩnh vực này của các cơ quan tư pháp tỉnh Hòa Bình. Bên cạnh đó còn có những khó khăn, vướng mắc, sai lầm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy nói chung và trong đấu tranh chống tội phạm ma túy có đồng phạm nói riêng. Nguyên nhân chủ yếu là do pháp luật thực định đó là PLHS và các văn bản pháp luật khác còn nhiều bất cập; trình độ năng lực ý thức trách nhiệm của một số người định tội danh còn hạn chế, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất còn chưa đáp ứng được với yêu cầu trong tình hình hiện nay. Định tội danh một cách chính xác các loại người đồng phạm trong vụ án ma túy có đồng phạm thì việc định tội danh sẽ chính xác.

Chương 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ĐỊNH TỘI DANH ĐÚNG CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM

Từ cơ sở lý luận và pháp lý của định tội danh cũng như từ thực tiễn định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã được phân tích khái quát ở Chương 1 và Chương 2 từ yêu cầu của tiến trình cải cách tư pháp, cầu ngày càng phải bảo vệ tốt hơn nữa quyền con người trong lĩnh vực hình sự, bảo đảm hiệu quả của xét xử hình sự và bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm, luận văn này hướng vào làm rõ yêu cầu các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm và các giải pháp có cơ sở khoa học bảo đảm định tội danh đúng.

3.1. Các yêu cầu bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm

3.1.1. Yêu cầu định tội danh đúng theo những sửa đổi bổ sung trong các quy định của Bộ luật hình sự 2015 về các tội phạm về ma túy và đồng phạm

Đề định tội danh đúng đối với người thực hiện các tội phạm về ma túy quy định tại Chương XX của BLHS năm 2015, gồm 13 điều từ Điều 247 đến Điều 259 thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trước hết phải tăng cường nhận thức đầy đủ nội dung sau:

Thứ nhất, tách các tội danh được quy định ghép trong một điều luật quy định tại BLHS năm 1999 thành các điều luật quy định tội danh riêng. Điều 194 BLHS năm 1999 quy định 04 tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy; Tội vận chuyển trái phép chất ma túy; Tội mua bán trái phép chất ma túy và Tội chiếm

đoạt chất ma túy. Các tội phạm quy định trong Điều 194 được tách riêng thành các tội mới của BLHS năm 2015 là Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249); Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250); Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) và Tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252).

Điều 200 BLHS năm 1999 quy định hai tội phạm: Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy và Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Hai tội này được tách ra thành hai tội riêng của BLHS năm 2015 đó là Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 257) và Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258).

Các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự cần nhận thức sâu sắc rằng việc tách các tội danh trong các tội ghép thành các tội riêng là nhằm đảm bảo việc quy định và áp dụng chế tài hình phạt chính xác hơn đối với tính chất nguy hiểm của từng hành vi phạm tội và đảm bảo tính minh bạch trong xử lý tội phạm.

Thứ hai, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung Tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 192 BLHS năm 1999) và được quy định tại Điều 247 BLHS năm 2015, khoản 1 điều này đã được thiết kế theo hướng quy định rõ các dấu hiệu của tội phạm.

“1. Người nào trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống;
- b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm...

4. Người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều này, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.

Để khuyến khích người phạm tội này tự giác giao nộp hoặc tự phá bỏ việc trồng cây có chứa chất ma túy, điều luật này bổ sung khoản 4 để có thể miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội.

Thứ ba, Bộ luật hình sự năm 2015 pháp điển hóa các hướng dẫn tại tiêu mục 3.6 điểm 3 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về trọng lượng ma túy bị xử lý hình sự đối với các hành vi tàng trữ, vận chuyển, chiếm đoạt trái phép chất ma túy không nhằm mục đích mua bán.

Thứ tư, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt tử hình đối với 03 tội: Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248), Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250), Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251).

Thứ năm, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt quy định trong cấu thành cơ bản của một số tội được tách ra từ tội ghép nhẹ hơn so với tội ghép trước đây.

Thứ sáu, Bộ luật hình sự năm 2015 bổ sung 03 chất ma túy tổng hợp mới là Methamphetamini, Amphetamine và MDMA. Đây là các chất ma túy tổng hợp có tính gây nghiện có tác hại lớn như heroin, côcain.

Bộ luật hình sự năm 2015 không sử dụng thuật ngữ “trọng lượng” mà thay bằng “khối lượng”, do đó chúng ta hiểu là khối lượng chất ma túy cũng chính là trọng lượng chất ma túy được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17/2007 và Thông tư liên tịch số 08 ngày 14/11/2015, Liên ngành Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII các tội phạm về ma túy của BLHS năm 1999.

Để định tội danh đúng thì các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cần tăng cường nhận thức rõ hơn chế định đồng phạm quy định tại Điều 17

BLHS năm 2015 có gì mới so với quy định về đồng phạm của BLHS năm 1999. Đó là, về khái niệm đồng phạm, về phạm tội có tổ chức không có gì mới so với quy định về đồng phạm quy định tại Điều 20 BLHS năm 1999; điều luật chỉ sửa ở cách thiết kế khi đưa khái niệm phạm tội có tổ chức lên khoản 2 và đưa các khái niệm những người đồng phạm xuống khoản 3; điểm mới của điều luật này là bổ sung thêm khoản 4 "4. Người đồng phạm không chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành".

3.1.2. Yêu cầu của chính sách hình sự bảo đảm và bảo vệ đầy đủ quyền con người, quyền và lợi ích chính đáng của công dân

Quyền con người, quyền và lợi ích chính đáng của công dân ngày càng được coi trọng khi Hiến pháp năm 2013 đã được ban hành.

Cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013 về bảo đảm quyền con người quyền và lợi ích chính đáng của công dân đặt ra yêu cầu một mặt là phải xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm đến quyền con người, quyền và lợi ích chính đáng của công dân; nhất là các quy định về bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù trong các vụ án hình sự nói chung và các vụ án ma túy có đồng phạm nói riêng; mặt khác khi xử lý người phạm tội đề cao hiệu quả phòng ngừa, thì cần bảo đảm cho họ có quyền yêu cầu luật sư, người bào chữa bào chữa cho mình khi họ phạm tội và phải có các điều kiện để luật sư thực hiện tốt quyền bào chữa cho bị can, bị cáo; được suy đoán vô tội, được xét xử công bằng, công khai...Việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người nhất là đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội nhìn chung vẫn chưa được tôn trọng một cách đầy đủ và toàn diện.

Do đó, định tội danh đúng và quyết định hình phạt đúng là yêu cầu cấp thiết nhằm tạo ra một môi trường pháp lý để bảo đảm và bảo vệ môi trường sống cho người dân, bảo vệ tốt hơn các quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của không những người

bị hại, nạn nhân của các hành vi phạm tội mà còn chú trọng động viên khuyến khích nhân dân yên tâm tham gia đấu tranh chống tội phạm, tham gia phát triển kinh tế xã hội, khoa học sáng tạo.

3.1.3. Bảo đảm chất lượng của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế

Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm phải hướng vào và bảo đảm tiếp tục thực hiện nghiêm túc có hiệu quả Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02-01-2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 26/3/2008 của Bộ chính trị về tiếp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới; Kết luận số 79-KL/TW của Bộ chính trị về Đề án đổi mới tổ chức hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49/NQ-TW; Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng chống vi phạm và tội phạm...

Định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm cần hướng vào bảo đảm thực hiện các yêu cầu, nội dung của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải cần tăng cường việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhất là lực lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán bảo đảm cho lực lượng này có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác và đạo đức nghề nghiệp nhằm định tội danh đúng bảo đảm và bảo vệ quyền con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Định tội danh đúng để đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hệ thống Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có chất lượng được thể hiện:

Đối với Cơ quan Điều tra, cần thực hiện việc thu gọn đầu mối Cơ quan điều tra, sát nhập Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan an ninh điều tra là một, tinh giảm bộ máy Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra và phân bổ các

Điều tra viên về các phòng trình sát để gắn hoạt động đấu tranh và hoạt động trình sát được chặt chẽ, nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tội phạm.

Đối với Viện kiểm sát nhân dân, cần tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án ma túy đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng. Về lâu dài, theo Chiến lược cải cách tư pháp của Bộ chính trị, cần nghiên cứu mô hình của ngành Kiểm sát theo mô hình Viện công tố; theo đó, Viện công tố chỉ đạo hoạt động điều tra, cơ quan công tố được tăng quyền lực và chịu trách nhiệm về hoạt động điều tra. Theo quy định của PLTTHS hiện nay, Viện kiểm sát đã được pháp luật trao nhiều quyền hạn trong thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, tuy nhiên các loại quyền hạn này vẫn ít nhiều mang tính hình thức và thực tế Kiểm sát viên vẫn chưa chủ động trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra.

Đối với Tòa án, cần tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân, theo hướng bảo đảm nguyên tắc độc lập trong xét xử của Tòa án, tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa án địa phương, tiến tới thực hiện tổ chức Tòa án theo hai cấp xét xử; nghiên cứu thành lập Tòa án khu vực, áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử, áp dụng án lệ và lẽ công bằng.

Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án; có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán làm công tác đấu tranh chống tội phạm về ma túy.

Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm còn phục vụ yêu cầu mở rộng hội nhập quốc tế nhất là về tư pháp hình sự.

Việc mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực tham gia ký kết các hiệp định, thỏa thuận hợp tác quốc tế, đề cao vị trí, vai trò của Cơ quan tư

pháp hình sự trong hợp tác quốc tế, không thể không đặt ra yêu cầu là phải định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm, bởi bên cạnh các giá trị khác nhau còn là cơ sở để đấu tranh phòng ngừa tội phạm về ma túy quốc tế trong thời kỳ hội nhập đạt hiệu quả.

Việt Nam đã tham gia 3 Công ước quốc tế về phòng, chống ma túy từ năm 1997. Chính phủ Việt Nam đã ký kết nhiều Hiệp định song phương, bản ghi nhớ, thỏa thuận về hợp tác kiểm soát ma túy, các chất hướng thần và tiền chất ma túy với một số quốc gia trên thế giới như: Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Thái Lan, Cộng hòa nhân dân Trung hoa; phối hợp với các cơ quan ma túy và tội phạm Liên hiệp quốc (UNODC) xây dựng và triển khai thực hiện các tiểu chương trình thuộc Chương trình quốc gia về phòng, chống ma túy và tội phạm giữa UNODC và Chính phủ Việt Nam giai đoạn 2012-2017... Đây là cơ sở pháp lý giúp chúng ta giải quyết có hiệu quả hơn trong hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm ma túy.

Ngoài ra, định tội danh đúng các tội phạm về ma túy còn cho phép tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ của các quốc gia, tổ chức quốc tế thông qua các dự án về phòng, chống tội phạm về ma túy, đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ có hiệu quả.

Bởi vậy, việc ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tội phạm ma túy trên tuyến biên giới cần tập trung: Thực hiện nghiêm quy chế biên giới giữa các nước có chung đường biên giới; phối hợp kiểm tra, kiểm soát nghiêm ngặt, phát hiện kịp thời các vụ mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, chất hướng thần và tiền chất qua biên giới; kiện toàn và tổ chức quản lý có hiệu quả hoạt động của các Văn phòng liên lạc, phòng chống ma túy qua biên giới (BLO); xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin đấu tranh chống mua bán, vận chuyển trái phép ma túy qua biên giới để ngăn

chặn từ xa; phối hợp về công tác đào tạo cán bộ, trang thiết bị, phương tiện kiểm soát ma túy, xét nghiệm, giám định các chất ma túy.

Mặt khác, đồng phạm là vấn đề được các nhà hình sự học trên thế giới quan tâm. Vì vậy, định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là cơ sở để hợp tác quốc tế về khoa học luật hình sự, góp tiếng nói của Việt Nam vào những cuộc hội thảo quốc tế chuyên đề về đồng phạm. Tại đó các nhà hình sự học Việt Nam có điều kiện trao đổi những vấn đề về kinh nghiệm lập pháp hình sự, lý luận luật hình sự có liên quan đến đồng phạm nhằm tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của người nước ngoài, vận dụng sáng tạo vào điều kiện nước ta.

3.2. Các giải pháp bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật

Định tội danh đạt được kết quả chính xác, thì hệ thống pháp luật hoàn chỉnh mà trước hết là hệ thống pháp luật hình sự hoàn chỉnh là một điều kiện để định tội danh đúng, người định tội danh sẽ phát huy được khả năng làm việc của mình. Việc định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm khó có thể đạt được kết quả chính xác, nếu như được tiến hành dựa trên một hệ thống pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn, chưa chặt chẽ, thiếu những khái niệm pháp lý cơ bản, gây nên sự nhận thức không thống nhất giữa các chủ thể định tội danh.

Quy định của BLHS về dấu hiệu đặc trưng của CTTP phải tương thích với các quy định của pháp luật chuyên ngành, BLHS phải kịp thời có những sửa đổi, bổ sung để đấu tranh có hiệu quả với những hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra trong thực tế, trước những diễn biến ngày càng phức tạp của tình hình tội phạm.

Để việc định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm cần bổ sung, hoàn thiện khái niệm pháp lý cơ bản như "Khái niệm đồng phạm", " TNHS trong đồng phạm"; bổ sung về "Khái niệm đồng phạm " nên sử dụng khái niệm “cùng tham gia” thay thế cho thuật ngữ “cùng thực hiện”. Chế định đồng phạm quy định tại Điều 20 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi tại Điều 17 BLHS năm 2015 " 1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm"; khoản 1 Điều 17 BLHS năm 2015 nên được cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung như sau: “Đồng phạm là trường hợp có từ hai người trở lên cố ý cùng tham gia một tội phạm”. Bởi việc sử dụng thuật ngữ “cùng thực hiện” mới chỉ nêu lên được hành vi của một loại người đồng phạm, đó là người thực hành. Điều đó mới chỉ đề cập đến hình thức đồng phạm giản đơn, với sự phạm tội của những người cùng thực hành mà không có những người đồng phạm khác.

Về TNHS trong đồng phạm quy định tại Điều 58 BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên so với TNHS trong đồng phạm quy định tại Điều 53 BLHS năm 1999; do đó Điều 58 BLHS năm 2015 cần phải sửa đổi bổ sung, nên quy định riêng một điều luật như sau: Điều 58 a: Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm.

" 1. Những người đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm do đồng phạm gây ra và chịu trách nhiệm về tình tiết tăng nặng liên quan đến hành vi phạm tội chung nếu họ ý thức được những tình tiết đó.

2. Những nguyên tắc chung về truy cứu TNHS, về quyết định hình phạt và thời hiệu mà BLHS quy định đối với tội phạm tương ứng thực hiện hành vi bằng đồng phạm được áp dụng chung cho tất cả những người đồng phạm".

Các tội phạm về ma túy quy định tại Chương XVIII BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung tại Chương XX của BLHS năm 2015; tuy nhiên các tội phạm về ma túy được quy định tại Chương XX của BLHS năm 2015 cần

tiếp tục sửa đổi, bổ sung. Đó là sắp xếp theo tính chất nguy hiểm tăng dần của tội phạm.

Bổ sung hành vi cố ý đưa ma túy vào cơ thể của người khác mà người đó không biết dẫn đến bị nghiêm “Người nào cố ý đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác gây hậu quả nghiêm trọng”.

3.2.2. Chuẩn bị đưa Bộ luật hình sự năm 2015 vào cuộc sống

Thứ nhất, khi BLHS năm 2015 có hiệu lực được ban hành trước hết chuẩn bị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là một trong những biện pháp hữu hiệu để pháp luật hình sự đi vào cuộc sống; chỉ đạo tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền giáo dục về phòng, chống ma túy bằng các bài viết, đưa thông tin qua báo chí, đài phát thanh. Đồng thời tuyên truyền về chế định đồng phạm, bởi đồng phạm là vấn đề phức tạp, khó hiểu đối với quần chúng nhân dân cho nên cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chế định đồng phạm để nhân dân hiểu, có ý thức tự giác chấp hành. Để người dân có ý thức chấp hành pháp luật một cách tự giác khi họ nắm vững quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm công dân từ đó mới có thể tham gia tích cực có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; Nhà nước có thể đưa ra các phương thức giáo dục thích hợp đối với từng loại người, trong từng lứa tuổi khác nhau. Chỉ hiểu biết và tuân theo pháp luật thì mỗi người dân mới lấy đó làm khuôn mẫu cho các hoạt động của mình.

Thứ hai, áp dụng đúng, thống nhất và kịp thời các quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 bao gồm các quy định về xóa bỏ tội một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn TNHS, loại trừ TNHS, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội những điểm có lợi cho người phạm tội theo quy định của BLHS năm 2015.

Quản lý tốt những người đã từng phạm tội, đặc biệt là những người đã phạm tội dưới hình thức đồng phạm. Đối với những người đã từng phạm tội thì khả năng tái phạm trong tương lai là hoàn toàn có thể. Vậy, các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội cần có biện pháp thích hợp quản lý những người này sau khi đã chấp hành hình phạt. Từ thực tiễn, thấy những người đã có tiền án thì cách thức quản lý tốt nhất là tạo cho họ có điều kiện công ăn việc làm ổn định, tách họ ra khỏi môi trường tội phạm, đồng thời lôi cuốn họ vào các hoạt động cộng đồng, tham gia các câu lạc bộ...

Trường hợp đồng phạm, phạm tội có tổ chức thì chính những đối tượng phạm tội trước đây thường lôi kéo họ quay trở lại con đường phạm tội. Cho nên, các cơ quan quản lý nhà nước cần đưa ra biện pháp giáo dục phù hợp, giúp họ có cuộc sống lương thiện; tránh để họ thấy mặc cảm, tự ti về một quá khứ không tốt đẹp và họ có thể hòa mình vào xã hội văn minh, hiện đại.

3.2.3. Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cùng các cơ quan chuyên trách cần tổ chức các đợt tập huấn, mục đích hướng dẫn cán bộ có thẩm quyền giải quyết các vụ án về ma túy hiểu đúng, đầy đủ và toàn diện những quy định trong Chương XVIII của BLHS và các Thông tư liên tịch về hướng dẫn một số quy định tại Chương XVIII các tội phạm về ma túy của BLHS năm 1999 và các văn bản khác về ma túy.

Xu hướng là giảm văn bản hướng dẫn và tăng tính cụ thể của luật; nhưng với tốc độ làm luật và trình độ làm luật ở nước ta hiện nay, không ai dám chắc chắn và khẳng định chất lượng về nội dung của các văn bản đã được ban hành. Thực tế cho thấy, tình trạng luật khung, luật ống vẫn còn tồn tại với số lượng không ít làm cho các đạo luật chậm đi vào cuộc sống và luôn phải chờ hướng dẫn, quy định chi tiết. Bên cạnh đó, vấn đề kỹ thuật lập pháp cũng chưa được

quan tâm một cách đúng mức nên nội dung của các điều luật không phải lúc nào cũng minh bạch, rõ ràng dễ hiểu và đơn nghĩa.

Công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật cần được tiếp tục tăng cường theo hướng: Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình cần kịp thời ban hành văn bản giải thích pháp luật sau khi các bộ luật, luật, pháp lệnh được ban hành để tạo sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tư pháp ở trung ương trong việc ban hành các thông tư liên tịch để hướng dẫn đối với các cơ quan tư pháp cấp dưới trong việc áp dụng pháp luật; hạn chế văn bản hướng dẫn riêng của từng ngành gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật.

Các cơ quan tư pháp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phối hợp tập hợp toàn bộ các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS và của các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo năm ban hành để cho các địa phương áp dụng thống nhất như tổng kết công tác, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao... Trong mỗi tuyển tập, bên cạnh việc đăng tải các văn bản hướng dẫn thi hành đang có hiệu lực pháp luật, cần dành một phần đăng thông tin về các văn bản đã hết hiệu lực pháp luật hoặc đã được sửa đổi, bổ sung và nội dung của những sửa đổi, bổ sung đó.

Tăng cường hướng dẫn pháp luật là một trong những yếu tố quan trọng góp phần xử lý đúng hình phạt nói chung và hình phạt nói riêng đối với các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm, điều đó thấy được sự cần thiết ban hành văn bản hướng dẫn những vấn đề còn vướng mắc trong quá trình giải quyết án, là một đòi hỏi khách quan, cần được thực hiện trong tiến trình cải cách tư pháp.

3.2.4. Tăng cường tổng kết thực tiễn định tội danh

Việc tổng kết thực tiễn của công tác định tội danh qua đó để sơ kết, tổng kết việc thực hiện các văn bản pháp luật; qua các vướng mắc, kiến nghị của

Tòa án địa phương đã ban hành hướng dẫn cụ thể để các Tòa án có điều kiện áp dụng chính xác pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân duy trì công tác kiểm tra đối với cấp dưới về nghiệp vụ; qua đó, các sai sót về chuyên môn sẽ được phát hiện kịp thời và ban hành thông báo rút kinh nghiệm. Thường xuyên tổng kết công tác xét xử các vụ án ma túy nói chung và tổng kết theo chuyên đề xét xử các vụ án ma túy có đồng phạm đúc kết kinh nghiệm thực tiễn xét xử, đảm bảo pháp luật đi vào cuộc sống ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm về ma túy.

3.2.5. Nâng cao năng lực của cán bộ định tội danh

Để đáp ứng với yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới, tăng cường, nâng cao năng lực cán bộ về trình độ chuyên môn qua công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu về hình sự, kỹ năng xét xử là nhiệm vụ quan trọng của ngành Kiểm sát, Tòa án, Cơ quan điều tra các cấp. Quan tâm hơn nữa về tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ làm công tác định tội danh. Từng bước nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp của chủ thể định tội danh, đánh giá đúng các hành vi của người phạm tội cụ thể, lựa chọn phương án tối ưu để từ đó đưa ra biện pháp xử lý đối với hành vi phạm tội trong BLHS nói chung và các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm nói riêng.

Đối với hoạt động xét xử của Tòa án, năng lực chuyên môn của các thành viên Hội đồng xét xử đóng vai trò quan trọng trong việc định tội danh và quyết định hình phạt. Thực tiễn thời gian qua tại tỉnh Hòa Bình đã chú trọng nhiều tới trình độ pháp lý của Hội thẩm nhân dân, thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; Hội thẩm nhân dân cần dành nhiều thời gian hơn nữa để nghiên cứu hồ sơ, thảo luận trao đổi nội dung cần làm rõ tại phiên tòa, bảo đảm cho việc xét xử thực hiện đúng theo tinh thần cải cách tư pháp, phát

huy được tính độc lập chỉ tuân theo pháp luật trong xét xử góp phần giúp cho quá trình định tội danh của Hội đồng xét xử được chính xác.

Đảm bảo chất lượng xét xử là một yêu cầu quan trọng, trong thời gian qua ngành Tòa án nhân dân đã có sự cố gắng để chất lượng xét xử ngày càng nâng lên, nhưng vẫn còn chưa đáp ứng được với yêu cầu thực tiễn hiện nay, còn có vụ để quá thời hạn xét xử. Tăng cường nâng cao năng lực cán bộ đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế, đòi hỏi là việc bổ nhiệm Thẩm phán cần ưu tiên những người được đào tạo cơ bản, có nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Cần khuyến khích tạo điều kiện về thời gian và vật chất để cho Thẩm phán được học ở các bậc học cao hơn (cao học, tiến sỹ) chuyên ngành luật. Kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân mới sửa đổi, bổ sung năm 2014 phải được tiến hành nghiêm túc, công bằng, minh bạch.

Chủ thể định tội danh phải có môi trường, cơ chế làm việc thuận lợi, bảo đảm tính độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, không bị chi phối bởi các quan điểm cấp trên, các quan điểm đồng nghiệp thì mới phát huy được chuyên môn, đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp của mình trong việc định tội danh. Việc định tội danh ở giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố mà tốt, chính xác sẽ góp phần cho việc định tội danh ở giai đoạn xét xử được nhanh và chính xác và ngược lại nếu định tội danh ở giai đoạn điều tra, truy tố không tốt sẽ ảnh hưởng đến quá trình xét xử, có thể dẫn đến oan sai.

Bởi vậy, nâng cao năng lực, khả năng, trình độ, ý thức xã hội, ý thức pháp luật, kinh nghiệm, bản lĩnh nghề nghiệp, trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên được coi là một giải pháp không thể thiếu được đối với việc bảo đảm định tội danh chính xác các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm. Các yếu tố đó của Điều tra viên, Kiểm sát viên trước hết xuất

phát từ đào tạo, đào tạo lại các kiến thức pháp luật chuyên sâu, các kỹ năng nghiệp vụ.

Cần có chính sách rõ ràng để phát triển nguồn nhân lực cao, các chuyên gia hàng đầu trong các cơ quan bảo vệ pháp luật của nước ta hiện nay.

Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm không thể chịu tác động của môi trường xã hội và môi trường pháp luật ở nơi tiến hành định tội danh. Vì vậy, xét về môi trường xã hội và môi trường pháp luật bảo đảm cho các chủ thể định tội danh độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

3.2.6. Các giải pháp khác

Hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và của nhân dân đối với áp dụng những quy định của pháp luật nói chung và quy định của định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Đó là việc đổi mới, nâng cao chất lượng chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và đại biểu Quốc hội; đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động theo cơ cấu thành phần xã hội nhưng phải đạt tiêu chuẩn về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định đáp ứng với yêu cầu hiện nay.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc trong việc giám sát việc áp dụng pháp luật của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án khi tiến hành định tội danh các tội phạm nói chung và tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm nói riêng nhằm giúp cho các cơ quan tư pháp thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình đó là định tội danh được chính xác. Ngoài ra còn phải thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình định tội danh các tội phạm về ma túy.

Các cấp chính quyền cần tăng cường công tác quản lý địa bàn, quản lý hộ tịch, hộ khẩu; tuyên truyền việc nâng cao ý thức của quần chúng nhân dân trong tố giác, tin báo tội phạm về ma túy. Thường xuyên phát động phong trào toàn dân tham gia phòng chống tệ nạn ma túy. Tạo việc làm ổn

định cho những người sau cai nghiện và chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Các cấp các ngành cần tăng cường, đổi mới hơn nữa phương pháp tuyên truyền, giáo dục tác hại của ma túy cho đối tượng học sinh, sinh viên, phụ nữ, người chưa thành niên, người dân tộc thiểu số thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài, hội họa, tờ rơi...; nói chuyện chuyên đề về tác hại ma túy trực tiếp tại các cơ quan, xí nghiệp, trường học...; treo panô, khẩu hiệu về phòng, chống ma túy, tạo các phong trào toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về phòng, chống và kiểm soát ma túy. Hoàn thiện hệ thống thu thập, quản lý, xử lý thông tin, số liệu báo cáo về tình hình tệ nạn ma túy phục vụ cho công tác phòng, chống tệ nạn ma túy.

Kết luận chương 3

Nhìn chung, các tình huống xảy ra trên thực tế các nhà làm luật không thể dự liệu được hết, cho nên việc áp dụng những quy định pháp luật nói chung và quy định về định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm nói riêng trong BLHS hiện hành xuất hiện những vướng mắc, bất cập là điều không thể tránh khỏi. Việc nghiên cứu, áp dụng nội dung định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, tác giả cũng chỉ nêu ra một số yêu cầu bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm và các giải pháp bảo đảm định tội danh đúng các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm với mục đích cùng góp phần tìm ra những giải pháp hiệu quả hơn trong việc hoàn thiện nội dung định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm nói riêng và BLHS nói chung.

KẾT LUẬN

1. Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm là một quá trình hết sức quan trọng nhằm xác định hành vi của người phạm tội trong trường hợp đồng phạm phù hợp với dấu hiệu CTTP mà điều luật hình sự quy định đối với tội phạm về ma túy quy định tại Chương XVIII của BLHS năm 1999. Quá trình này có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác nghiên cứu khoa học luật hình sự cũng như về thực tiễn xét xử hình sự. Nội dung định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm đã góp phần giúp cho công tác thực tế tháo gỡ những khó khăn như xác định tội danh, quyết định hình phạt cũng như xác định TNHS đối với những người đồng phạm. Nắm vững nội dung định tội danh trong trường hợp đồng phạm sẽ giúp các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử xác định rõ vị trí, vai trò của từng loại người đồng phạm, các hình thức đồng phạm các giai đoạn thực hiện tội phạm trong đồng phạm và tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm để có thể giải quyết một cách đúng đắn chính xác các vụ án ma túy có đồng phạm.

2. Tại điều 20 BLHS năm 1999 đã quy định khái niệm đồng phạm, đồng thời đã làm rõ được bản chất pháp lý của việc định tội danh trong trường hợp đồng phạm, đây là bước thay đổi về chất trong công tác lập pháp hình sự, khắc phục được những hạn chế thiếu sót trong những quy định của BLHS trước đây. Trong chế định đồng phạm, khái niệm đồng phạm là khái niệm cơ bản, khái niệm xuất phát, để từ đó xác định những quy phạm khác của chế định đồng phạm và các loại người đồng phạm, các hình thức đồng phạm và định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm, đối với mỗi người đồng phạm. Bên cạnh các quy định khác về định tội danh trong trường hợp đồng phạm, khái niệm đồng phạm cùng với CTTP các tội phạm về

ma túy là cơ sở pháp lý để phân biệt những hành vi đồng phạm với những hành vi liên quan đến tội phạm và truy cứu TNHS những người đồng phạm. Việc nhận thức đúng đắn khái niệm đồng phạm xác định chính xác đồng phạm trong thực tiễn xét xử các vụ án ma túy, bảo đảm quan trọng trong việc thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực hình sự và các nguyên tắc xử lý tội phạm nhằm xử đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm. Như vậy, khái niệm đồng phạm có ý nghĩa thống nhất về mặt nhận thức trong nghiên cứu lý luận cũng như trong thực tiễn.

3. Khi định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm, thì đối với từng loại người đồng phạm phải chịu sự quy định của nội dung đồng phạm có những tính độc lập tương đối và có những ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm ma túy do những người đồng phạm thực hiện. Cho nên việc phân loại định tội danh đối với từng loại người đồng phạm và từng giai đoạn thực hiện tội phạm phải đạt được mục đích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hình thức đồng phạm để phục vụ cho việc xây dựng nội dung định tội danh trong trường hợp đồng phạm với các quy phạm khả thi.

4. Trong trường hợp đồng phạm hành vi của mỗi người đồng phạm tuy có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó chặt chẽ với nhau, tuy nhiên vẫn có tính độc lập tương đối thể hiện vai trò nhất định của từng người trong việc tham gia cùng thực hiện tội phạm chung. Định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm, nhằm xác định trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm, trách nhiệm độc lập về hành vi tham gia thực hiện tội phạm và cá thể hóa TNHS của từng người đồng phạm. Việc định tội danh trong trường hợp đồng phạm đã hoàn thành, thì những người tiến hành tố tụng còn phải định tội

danh trong trường hợp đồng phạm chưa hoàn thành, hành vi tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong những trường hợp phạm tội nhất định.

5. Thực tiễn áp dụng nội dung định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, cho thấy những quy định trong BLHS năm 1999 về vấn đề này đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng áp dụng pháp luật một cách chính xác. Tuy nhiên những mặt thuận lợi, trong thực tiễn việc định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm vẫn còn những khó khăn, vướng mắc gây lúng túng cho hoạt động của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử như việc đánh giá vai trò, vị trí, tính chất mức độ của những người tham gia vụ án đồng phạm và việc xác định TNHS tương xứng với hành vi phạm tội của từng người đồng phạm tham gia vụ án.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Ban Bí thư Trung ương (2014), *Kết luận số 95 ngày 02/4/2014 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới*, Hà Nội.
4. Phạm Văn Beo (2009), *Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Chính trị quốc gia.
5. Lê Cẩm (2000), “*Những vấn đề lý luận cơ bản về trách nhiệm hình sự*”, Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự, Tập III, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (Chủ biên 2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Lê Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học – Những vấn đề cơ bản trong Khoa học Luật hình sự*, NXb Đại học Quốc gia, Hà Nội
8. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2004), *Định tội danh: Lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 6.
9. Lê Văn Đệ (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
10. Đặng Văn Doãn (1986), *Vấn đề đồng phạm*, Nhà xuất bản pháp lý, tr 12-13.
11. Đặng Văn Doãn (1986), *Vấn đề đồng phạm*, Nhà xuất bản pháp lý, tr 12-13.

12. Nguyễn Minh Đức chủ biên (2002), *Một số vấn đề cơ bản về pháp luật hình sự và những tình huống trong thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Trần Thị Duyên, *Quyết định hình phạt trong đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam- Những vấn đề lý luận và thực tiễn* - Khóa luận tốt nghiệp, Hà Nội 2010.
14. Đỗ Đức Hồng Hà (2006), *"Việc định tội danh đối với các trường hợp phạm tội gây hậu quả chết người"*, Tạp chí Kiểm sát, (số 20), tr. 12-18.
15. Đỗ Đức Hồng Hà (2008), *Chỉ dẫn áp dụng và nghiên cứu Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
16. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (1997), *Luật Hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Hòa (2005), *Mô hình Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Nguyễn Ngọc Hòa, *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, tr 161.
19. Nguyễn Phong Hòa (Phó cục trưởng Cục CSBV và HTTP), *Bàn về khái niệm tội phạm có tổ chức (TPCTC) và TPCTC xuyên quốc gia*, Tạp chí Tòa án nhân dân tháng 2/2005 (số 4), tr 9 - 14.
20. Đoàn Văn Hường (Tòa án quân sự Quân khu 3), *Đồng phạm và một số vấn đề về thực tiễn xét xử*. Tạp chí Tòa án nhân dân, số 4/ 2003, tr 24 - 26.
21. Trần Văn Luyện (2000), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về ma túy*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Dương Tuyết Miên, *Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm*, Tạp chí Tòa án nhân dân , số 2/2001, tr 1- 4.
23. Cao Thị Oanh, *Vấn đề mặt chủ quan của đồng phạm*, Tạp chí Luật học, số 2/2002, trường Đại học Luật Hà Nội, tr 27 -31.

24. Cao Thị Oanh, *Những Biểu hiện của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm*. Tạp chí Luật học số 06/2003, trường Đại học Luật Hà Nội, tr 60 - 63 và tr 75.
25. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999*, phần chung, Nxb chính trị quốc gia, 2000.
26. Quốc hội (2013); *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.
27. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985*.
28. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*.
29. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*.
30. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân sửa đổi, bổ sung*.
31. Hồ Sỹ Sơn (2013), *Chế định đồng phạm trong Luật hình sự nhìn từ góc độ so sánh pháp luật hình sự một số nước trên thế giới*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 11.
32. Lê Thị Sơn (1998), “*Về các giai đoạn thực hiện hành vi đồng phạm*”, Tạp chí luật học số 3.
33. Lê Thị Sơn (2012), “*Tội phạm có tổ chức và việc bổ sung chế định tổ chức tội phạm trong Bộ luật hình sự Việt Nam*”, Tạp chí Luật học số 12.
34. Đinh Trọng Tài, *Hành vi thái quá của người thực hành trong vụ án có đồng phạm*, Tạp chí kiểm sát số 4/1999, tr 29- 30.
35. Nguyễn Trung Thành (2002), *Phạm tội có tổ chức trong luật Hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng chống*, Luận án Tiến sĩ luật học, Hà Nội.

36. Trần Quang Tiệp, *Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam* – Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội – 2000.
37. Tôn Nữ Ngọc Trâm (2010), *Chế định đồng phạm trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 và Thực tiễn áp dụng Chế định này trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn tốt nghiệp, Hà Nội.
38. Đào Trí Úc (chủ biên) (1993), *Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam* (Phần chung), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
39. Đào Trí Úc (2001), “*Tìm hiểu khái niệm và những đặc trưng cơ bản của tội phạm theo Luật hình sự Việt Nam*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật
40. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện (2001), *Bình Luận khoa học Bộ luật Hình sự 1999*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
41. Viện Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng (2004), *Thông báo rút kinh nghiệm về định tội danh và áp dụng tình tiết định khung hình phạt số 17-TB-VPT2 ngày 29-01-2004*, Đà Nẵng.
42. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2002), *Thông báo rút kinh nghiệm công tác kiểm sát xét xử hình sự qua một số vụ án đã xét xử*.
43. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội.
44. Võ Khánh Vinh (Chủ biên 2014), *Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Khoa học xã hội.
45. Võ Khánh Vinh (Chủ biên 2014), *Luật hình sự Việt Nam phần phân các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội.